

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ HẰNG

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI
XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ THỊ HẰNG

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI
XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. HỒ SỸ SƠN**

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC	7
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục	7
1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục.....	14
1.3. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục.....	16
1.4. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục với tình hình, nhân thân người phạm tội và với phòng ngừa tình hình các tội này	18
Chương 2: THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG	22
2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.....	22
2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	24
2.3. Thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang của các chủ thể phòng, chống tình hình các tội này trên địa bàn nói trên.....	52
Chương 3: NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI NÀY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG	56

3.1. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và vấn đề tăng cường nhận thức về chúng	56
3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục và vấn đề dự báo tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	57
3.3. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và vấn đề về các giải pháp phòng ngừa tội phạm.....	59
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	72
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Tổng quan về tình hình tội phạm xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 -2015

Bảng 2.2. Thống kê thành phần xã hội của người phạm tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Bảng 2.3. Thống kê số vụ, số bị cáo phạm tội xâm phạm tình dục bị đình chỉ điều tra, truy tố trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Bảng 2.4. Thống kê về độ tuổi của nạn nhân trong các vụ án xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Bảng 2.5. Thống kê về độ tuổi của bị cáo phạm tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Bảng 2.6. Thống kê trình độ văn hóa của người phạm tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hậu Giang là một tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, được thành lập vào năm 2004 do tách ra từ tỉnh Cần Thơ cũ. Cơ cấu lãnh thổ có 08 đơn vị hành chính, gồm 01 thành phố, 02 thị xã và 05 huyện. Diện tích tự nhiên 1744,7km², dân số: 895.918 người, mật độ dân số trung bình là 514 người/km².

Mặc dù là tỉnh mới được thành lập chưa lâu nhưng với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây đạt 13,5%, giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2015 đạt 36,5 triệu đồng/người (tương đương 1.672 USD), thu nhập này cao gấp 2,3 lần so với năm 2010.

Cùng với sự quan tâm trong lĩnh vực kinh tế, an ninh trật tự, phòng chống tội phạm cũng được chính quyền tỉnh Hậu Giang quan tâm sâu sát. Huy động các đoàn thể, nhân dân tham gia vào phong trào bảo vệ an ninh trật tự. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh Hậu Giang có xu hướng tăng, đặc biệt là nhóm tội phạm xâm phạm tình dục.

Khi tội phạm xâm phạm tình dục diễn ra sẽ dẫn đến những hậu quả vô cùng to lớn. Trước hết là đối với nạn nhân và gia đình nạn nhân, gây ảnh hưởng tới tâm sinh lý lâu dài của họ, đặc biệt nạn nhân là trẻ em trong suốt quá trình trưởng thành. Nhiều nạn nhân cảm thấy xấu hổ, sợ hãi và mặc cảm, không tự tin để hòa nhập với cộng đồng, xã hội. Không dừng lại ở đó, họ còn có thể bị mắc một số bệnh về tình dục như AIDS, viêm nhiễm.... Đồng thời, nhóm tội phạm xâm phạm tình dục còn ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục, thể hiện

sự suy đồi và xuống cấp về đạo đức trầm trọng. Ảnh hưởng tới trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng, hoang mang cho dân cư trên địa bàn tỉnh.

Trước tình hình đó, với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, sâu sát của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp của tỉnh Hậu Giang, cùng sự nỗ lực của các ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh đã triển khai, thực hiện nghiêm túc các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Chỉ thị, Nghị quyết... về hoạt động phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm nói chung, tội phạm xâm phạm tình dục nói riêng trong giai đoạn hiện nay và đã bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, tình hình các tội xâm phạm tình dục vẫn liên tục xảy ra và có xu hướng gia tăng [xem bảng 2.1 – phụ lục] với diễn biến ngày càng phức tạp; một số vụ án xâm phạm tình dục đặc biệt nghiêm trọng xảy ra làm cho quần chúng nhân dân sợ hãi, phẫn nộ.

Với hậu quả to lớn, nặng nề và sự gia tăng của nhóm tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cần tìm hiểu đầy đủ, chính xác nguyên nhân và điều kiện mang tính “địa tội phạm” của nó nhằm tìm ra biện pháp giải quyết cụ thể, thiết thực, phù hợp với đặc điểm địa lý, dân cư và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Đó cũng là lý do học viên chọn nghiên cứu đề tài ***“Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang”*** làm luận văn thạc sỹ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, có một số công trình nghiên cứu như:

- Phan Thị Ngoan (2011), Đấu tranh phòng, chống tội hiếp dâm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Luận văn luật học, Học viện khoa học xã hội;
- Diệp Huyền Thảo (2012), Các tội xâm phạm tình dục đối với trẻ em trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa, Luận văn luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Thị Nga (2014), Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Luận văn luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Võ Công Sáu (2015), Tội xâm phạm tình dục đối với trẻ em trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa, Luận văn luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Văn Qui (2016), Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Luận văn luật học, Học viện khoa học xã hội.

Có thể thấy, trên địa bàn các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long mới có các công trình chỉ nghiên cứu về một tội hoặc một nhóm tội theo độ tuổi (trẻ em), chứ chưa nghiên cứu bao quát của một nhóm tổng thể “nhóm tội xâm phạm tình dục” nói chung. Đây cũng là đề tài mới mẻ chưa được tác giả nào nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang để từ đó đưa ra biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn thiết thực, hữu hiệu đối với loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu chuyên sâu về nguyên nhân và điều kiện của các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015, luận văn đề xuất các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả tình hình nhóm tội phạm này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Phân tích khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục;

Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục;

Phân tích cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục;

Phân tích, đánh giá thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015;

Đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là mối quan hệ phụ thuộc giữa tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 với các hiện tượng, quá trình xã hội hay nói cách khác là quy luật của sự phạm tội xâm phạm tình dục trên địa bàn nói trên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài luận văn được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. Các số liệu trình bày trong luận văn được thu thập từ kết quả điều tra, kiểm sát, xét xử các vụ án xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên phép duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm tình dục nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu;

Phương pháp tổng kết thực tiễn rút kinh nghiệm;

Phương pháp thống kê;

Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp số liệu;

Phương pháp trao đổi, tọa đàm.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận khoa học về hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm tình dục nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài là tài liệu để cá nhân, cơ quan, tổ chức tham khảo và vận dụng trong việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của đề tài còn có thể sử dụng trong thực tiễn chỉ đạo và tiến hành hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, nhất là hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn được cấu trúc thành 03 chương, cụ thể là:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục.

Chương 2: Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Chương 3: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục và những vấn đề đặt ra đối với phòng ngừa tình hình các tội này trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục

1.1.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục

Theo từ điển tiếng Việt, nguyên nhân “là nhân tố tạo ra kết quả hoặc nảy sinh sự việc (đang nói đến)” và điều kiện là “cái cần phải có để cho một cái khác có thể xảy ra”.

Như vậy, có thể hiểu nguyên nhân là hiện tượng mà tác động của nó gây nên, làm biến đổi hay kéo theo sau nó các hiện tượng khác. Còn điều kiện như là chất xúc tác góp phần thúc đẩy nhanh một kết quả nào đó. Nguyên nhân và điều kiện là những yếu tố của một hệ thống tác động thống nhất làm sinh ra hậu quả.

Có thể thấy nguyên nhân - điều kiện dẫn tới kết quả, kết quả do nguyên nhân gây ra phụ thuộc vào những điều kiện nhất định. Điều kiện tuy không sinh ra kết quả, mà tạo điều kiện, bảo đảm cho hậu quả xảy ra. Về bản chất điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định.

Nếu tương tác là nguyên nhân cuối cùng thật sự của sự vật thì rõ ràng là trong bất cứ trường hợp nào, suy cho cùng, nguyên nhân bao giờ cũng là tương tác giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây nên những biến đổi nhất định; còn kết quả là những biến đổi xuất hiện do sự tác động lẫn nhau của các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau [18, tr.245]

Sự tác động lẫn nhau giữa nguyên nhân và kết quả thể hiện ở việc chuyển tải một số lượng vật chất, năng lượng và thông tin nào đó từ nguyên

nhân đến hậu quả. Việc chuyển tải thông tin là một thuộc tính đặc trưng trong lĩnh vực quan hệ xã hội. Các tin tức về các hành vi khác nhau của con người, về các quy phạm hành vi, về các hệ thống giá trị, về các sự kiện khác nhau của hiện thực hàng ngày được con người lĩnh hội thông qua các kênh thông tin khác nhau, những tin tức đó tham gia hình thành nên thế giới quan, tâm lý, lối sống bên trong của họ.

Theo quy định của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì tội phạm xâm phạm tình dục bao gồm các tội: Hiếp dâm (Điều 111), Hiếp dâm trẻ em (Điều 112); Cưỡng dâm (Điều 113); Cưỡng dâm trẻ em (Điều 114); Giao cấu với trẻ em (Điều 115); Dâm ô với trẻ em (Điều 116); Mua dâm người chưa thành niên (Điều 256). Các tội này đã xâm phạm vào khách thể là quyền bất khả xâm phạm về tình dục, nhân phẩm, danh dự được biểu hiện ở hành vi khách quan là giao cấu trái pháp luật hoặc dâm ô đối với người khác, người thực hiện tội phạm với lỗi cố ý và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Như chúng ta đã biết, tình hình tội phạm vốn không phải là một khái niệm pháp lý mà là một phạm trù xã hội học dùng để chỉ một hiện tượng xã hội. Cơ sở để nhận thức được tình hình tội phạm phải là các hành vi phạm tội xảy ra trong thực tiễn xã hội. Tình hình tội phạm XPTD chính là hiện tượng tâm – sinh lý- xã hội tiêu cực, vừa mang tính lịch sử và lịch sử cụ thể, vừa mang tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp, được thể hiện thông qua tổng thể các hành vi xâm hại tình dục cùng với chủ thể đã thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định. Xét theo mối liên hệ nhân – quả, thì quả ở đây là tình hình các tội XPTD, vậy nhân (nguyên nhân) của nó là gì? Theo GS.TS Võ Khánh Vinh quan niệm về nguyên nhân và tình hình tội phạm nói chung thì “*Nguyên nhân của tình hình tội phạm là*

những hiện tượng xã hội tiêu cực ở trong mối liên hệ tương tác hai mức độ sinh ra và tái sản xuất ra tình hình tội phạm như là hậu quả tất yếu của mình.

Điều kiện của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực, tự mình không sinh ra tình hình tội phạm và các tội phạm, mà là hỗ trợ, làm dễ dàng và tăng cường cho sự hình thành và hoạt động của các nguyên nhân” [40, tr.87].

Từ quan điểm đó, chúng ta thấy rằng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm đều là những hiện tượng xã hội tiêu cực và mang tính bản chất xã hội, chúng bao giờ cũng nằm trong hệ thống các mâu thuẫn xã hội của xã hội. Trong xã hội tư bản cũng như bất kỳ hình thái kinh tế - xã hội bóc lột nào, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là những hiện tượng không thể loại bỏ được, bởi vì chúng gắn chặt với các quy luật phát triển cơ bản của xã hội đó. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm trong xã hội và xã hội chủ nghĩa, và chính tình hình tội phạm là có thể khắc phục được, bởi vì chúng mâu thuẫn với các quy luật và nguyên nhân cơ bản của chủ nghĩa xã hội, với bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, khi bàn về nguyên nhân và điều kiện của một tội cụ thể có nhiều cách sử dụng như “Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm A”, “Nguyên nhân và điều kiện của tội A”, “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm A”.

Có quan điểm cho rằng chỉ nên đề cập “nguyên nhân của tình trạng phạm tội” mà không nên phân biệt “nguyên nhân và điều kiện của tình trạng phạm tội” với trên thực tế rất khó phân biệt giữa nguyên nhân và điều kiện. Khi nghiên cứu từng loại tội phạm cụ thể thì hoàn toàn có thể phân biệt giữa nguyên nhân và điều kiện của nó. Ví dụ, tội trộm cắp tài sản, chúng ta hoàn toàn có thể phân biệt nguyên nhân của tội trộm cắp và điều kiện của tội trộm cắp. Như điều kiện của tội trộm cắp tài sản là những sơ hở của chủ tài sản

không có ý thức bảo vệ tài sản của chính mình ví dụ không khóa cửa khi đi ra ngoài phòng, ổ khóa không tốt, cửa rào lỏng lẻo...

Cũng có quan điểm cho rằng không chỉ phân biệt nguyên nhân và điều kiện của từng loại tội phạm cụ thể mà cần phải phân biệt nguyên nhân và điều kiện của tình trạng phạm tội cũng như cần phân biệt nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Nguyên nhân và điều kiện của tình trạng phạm tội là những nguyên nhân của các nhóm và các loại tội phạm. Nguyên nhân của tình hình tội phạm là nguyên nhân chung của toàn bộ tổng số tội phạm (tổng số người thực hiện các hành vi phạm tội).

Cũng có ý kiến cho rằng xuất phát từ quan niệm: tội phạm trong tội phạm học phải được hiểu là tổng số người (vụ việc) phạm tội (tức là tội phạm phải được hiểu là hiện tượng xã hội của tổng số người đã thực hiện hành vi phạm tội), do vậy sử dụng cụm từ nguyên nhân của tội phạm là chính xác nhất chứ không sử dụng nguyên nhân của tình hình tội phạm.

Quan điểm của cá nhân người viết thì khái niệm “tình hình tội phạm” là khái niệm cơ bản của tội phạm học và cụm từ “nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm” có một cách hiểu và ý nghĩa riêng của nó. Và trong đề tài nghiên cứu này, có thể hiểu *“nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực và sự tương tác của chúng làm phát sinh tình hình các tội XPTD”*.

Giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD có những phạm vi ảnh hưởng khác nhau. Để phân định rõ đâu là nguyên nhân và đâu là điều kiện của tình hình các tội XPTD là việc hết sức khó khăn, phức tạp. Điều kiện đưa đến tình hình các tội XPTD cũng là các hiện tượng xã hội tiêu cực, nhưng khác với nguyên nhân ở chỗ nó không làm phát sinh ra tội phạm mà nó chỉ tạo ra các hoàn cảnh thuận lợi cho sự hình thành, tồn tại và phát triển của tình hình các tội XPTD. Trong thực tiễn cũng như trong lý luận giữa nguyên

nhân và điều kiện của tình trạng tội phạm trong một số trường hợp đối với hiện tượng tội phạm này là nguyên nhân nhưng đối với hiện tượng tội phạm khác nó lại là điều kiện. Ví dụ, do kinh tế - xã hội khó khăn là nguyên nhân dẫn đến thiếu việc làm, nhiều người thất nghiệp, thiếu thốn nên đã phạm tội xâm phạm sở hữu; nhưng trong trường hợp khác kinh tế - xã hội khó khăn nhiều gia đình mải mê làm ăn, không có thời gian trông coi bảo vệ tài sản của mình là điều kiện thuận lợi cho các tội xâm phạm sở hữu xảy ra.

Giữa nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm luôn đi liền với nhau không tách rời nhau, chúng có điểm chung là những hiện tượng tiêu cực trong sự tác động qua lại với nhau làm thúc đẩy, phát sinh tội phạm. Cũng chính vì lý do đó mà chúng ta cần tìm ra được các hiện tượng tiêu cực để đưa ra giải pháp phòng ngừa tội phạm thiết thực với mục đích cuối cùng là đấu tranh loại bỏ tội phạm.

1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tính dục

- Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa các tội XPTD một cách khoa học và hiệu quả.

Việc tìm ra quy luật phát sinh, tồn tại, phát triển của tình hình các tội XPTD để chủ động những điều kiện cần thiết là hoạt động tư duy có định hướng chiếm vị trí rất quan trọng trong đấu tranh nhằm kiềm chế, đẩy lùi các tội phạm XPTD trong xã hội. Thực tế đã chỉ ra rằng, không thể áp dụng các biện pháp phòng, chống các tội phạm XPTD khi chúng ta không hiểu được từ đâu mà tội phạm được sinh ra, dưới điều kiện nào mà tội phạm được tồn tại, phát triển trong những giai đoạn nhất định. Đấu tranh phòng, chống các tội XPTD có kết quả chỉ khi sử dụng các biện pháp thủ tiêu cho được những nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Như vậy, hạt nhân của việc nghiên cứu

các biện pháp đấu tranh phòng, chống các tội XPTD phải tìm ra được nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD. Nếu không nêu được, hoặc nêu không đúng, không chính xác nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD thì định hướng cho cuộc đấu tranh này sẽ không đúng, không đạt được hiệu quả.

- Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD có ý nghĩa đối với việc hoạch định các chính sách kinh tế, xã hội, đặc biệt các chính sách pháp luật nói chung và các chính sách hình sự nói riêng.

Thực tế đã chỉ ra nguồn gốc phát sinh tội phạm không chỉ ở những hiện tượng tiêu cực mà ngay trong quá trình phát triển xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình xây dựng, nhà nước xã hội chủ nghĩa chưa thể hoàn thiện, khép kín toàn bộ vấn đề đường lối, chính sách, chủ trương, tổ chức thực hiện mà còn tạo nên sơ hở xảy ra tội phạm. Có những chính sách kinh tế, xã hội nếu đứng từ một góc độ kinh tế hoặc xây dựng thì đem lại một hiệu quả nhất định, nhưng đứng ở góc độ khác thì nó lại tạo ra sơ hở và được coi là nguồn gốc làm phát sinh hoặc tạo điều kiện cho tội phạm tồn tại.

Việc chuyển đổi cơ chế quản lý mới của nền kinh tế tác động nhiều đến lĩnh vực khác mà ở các lĩnh vực này làm phát sinh tội phạm. Trong lĩnh vực kinh tế, việc thay đổi cơ chế quản lý, điều hành, sản xuất dẫn đến sự thay đổi nghề nghiệp, mất việc làm. Mức sống thấp lại không có nghề nghiệp, không có việc làm nên những người này có thời gian “nhàn rỗi” lớn, không phải ngẫu nhiên mà cha ông ta có câu “nhàn cư vi bất thiện”, mà để chỉ ra rằng khi không có việc làm tạo điều kiện cho con người tham gia vào hoạt động phạm tội. Số người nghiện ma túy, rượu chè, cờ bạc, mua dâm, bán dâm... Điều này đã tác động không nhỏ đến lớp trẻ, làm thay đổi cách suy nghĩ và lối sống, hình thành những nhu cầu lệch chuẩn, dễ dẫn tới việc thực hiện tội phạm, trong đó có các tội phạm XPTD. Vì vậy việc hoạch định các chính sách phát

triển kinh tế, xã hội làm sao để tạo công ăn việc làm, giảm tình trạng thất nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân.

Hơn nữa, một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội XPTD là do nạn nhân bị đe dọa trả thù của người phạm tội hoặc không muốn khai báo với cơ quan chức năng do sợ mất danh dự và nhân phẩm nên dẫn đến việc bị XPTD nhiều lần. Là những người bị hành vi phạm tội tác động, gây thiệt hại hơn ai hết nạn nhân của các vụ XPTD có vai trò quan trọng trong việc xác định chủ thể tội phạm cũng như những tình tiết, diễn biến vụ phạm tội, chính vì vậy sự tích cực hợp tác của nạn nhân sẽ giúp cho quá trình điều tra, truy tố và xét xử người phạm tội nhanh chóng, thuận lợi và chính xác. Đa phần các trường hợp bị XPTD chịu nhiều thiệt hại, trước hết là sức khỏe như tổn thương về thể chất, những tổn thương nặng nề tại bộ phận sinh dục (bị nhiễm trùng đường tiết niệu, chảy máu kéo dài ở bộ phận sinh dục...), các tổn thương khác như đau bụng, đau đầu, mất ngủ, bị nhiễm các bệnh xã hội, bệnh lây truyền qua đường tình dục; đối với nạn nhân bị xâm hại tình dục là trẻ em thì việc bị xâm hại tình dục có thể khiến các em mang thai ngoài ý muốn gây nguy hiểm cho bản thân và thai nhi (vì cơ thể các em chưa phát triển hoàn chỉnh), gây ra nhiều nguyên nhân dẫn đến vô sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe sinh sản và hạnh phúc gia đình của các em về sau.

Đối với hậu quả mà nhóm tội phạm XPTD đến nạn nhân trên phương diện về mặt tâm lý thì nhiều người sau khi bị xâm hại tình dục có sự hoảng loạn, xuất hiện các ảo giác bệnh lý (luôn có cảm giác bất an, giật mình, tưởng tượng ra hình ảnh kẻ xâm hại hay tiếng nói của kẻ xâm hại,...). Nghiêm trọng hơn, sau khi bị xâm hại tình dục không ít nạn nhân có suy nghĩ tìm đến cái chết do bị sốc về mặt tinh thần. Họ rơi vào trạng thái hoảng sợ và cảm thấy không có lối thoát. Một phần do xấu hổ, một phần khác do bị kẻ lạm dụng đe dọa nên không dám thổ lộ cùng ai. XPTD còn có khả năng gây ra những lệch

lạc giới tính cho nạn nhân, nhất là trẻ em. Những ám ảnh về việc bị lạm dụng, đặc biệt là hành vi tình dục đồng giới sẽ khiến các em trở thành những người đồng tính luyến ái. Ngoài ra, hậu quả có thể dẫn đến việc nạn nhân quan hệ tình dục bừa bãi với nhiều người. Đối với một số nạn nhân thì việc lạm dụng làm cho họ trở nên chai sạn và xem chuyện bị lạm dụng là chuyện bình thường.

Nhiều nạn nhân vì mặc cảm hoặc có tâm lý không muốn mọi người biết mình bị XPTD (vì xấu hổ, tự ti, sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự...) nên không trình báo cơ quan công an. Ngoài ra, pháp luật cũng chưa đủ mạnh, chưa đủ răn đe những người có hành vi XPTD. Vì vậy việc hoàn thiện các văn bản pháp luật cũng như các chính sách hình sự, chính sách xã hội để tăng cường đề bảo vệ và trợ giúp các nạn nhân và gia đình nhằm bảo đảm sự hợp tác tích cực của họ đối với các cơ quan tư pháp hình sự cũng như trợ giúp cho họ có cuộc sống ổn định hơn.

1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục

Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm XPTD đa dạng và có những mức tồn tại, thể hiện khác nhau. Việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD có thể căn cứ vào:

- Căn cứ vào nguồn gốc xuất hiện, có thể chia nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD thành:

+ Nguyên nhân và điều kiện bắt nguồn từ môi trường sống là tổng hợp các nhân tố tiêu cực được hình thành từ môi trường sống của cá nhân có thể tác động, ảnh hưởng đến cá nhân ở mức độ nhất định, từ đó làm phát sinh các tội XPTD. Ví dụ như các nhân tố: môi trường gia đình không hoàn thiện, môi trường sống xung quanh có nhiều tệ nạn xã hội, trường học...

+ Nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ phía người phạm tội là tổng hợp những nhân tố tiêu cực thuộc về nhân thân người phạm tội có thể tác động, ảnh hưởng đến việc phát sinh các tội XPTD của người phạm tội. Những nhân tố tiêu cực này có thể là dấu hiệu thuộc về sinh học, tâm lý, xã hội – nghề nghiệp của người phạm tội.

- *Căn cứ vào mức độ tác động của nguyên nhân và điều kiện trong việc làm phát sinh tình hình các tội XPTD, có thể phân chia thành:*

+ Nguyên nhân và điều kiện chủ yếu làm phát sinh tình hình các tội XPTD là những nhân tố đóng vai trò chủ chốt trong việc làm phát sinh các tội XPTD và những nhân tố này chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng số các nhân tố làm phát sinh các tội XPTD.

+ Nguyên nhân và điều kiện thứ yếu làm phát sinh tình hình các tội XPTD là những nhân tố đóng vai trò hạn chế và chiếm tỷ lệ không đáng kể trong tổng số các nhân tố làm phát sinh các tội XPTD.

- *Theo bản chất của nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPTD có thể chia thành:*

+ Nguyên nhân và điều kiện khách quan: là những hoàn cảnh không phụ thuộc vào ý chí và ý thức của con người phạm tội nhưng lại là cơ sở cho người phạm tội XPTD thực hiện hành vi của mình.

+ Nguyên nhân và điều kiện chủ quan: là nguyên nhân và điều kiện xuất hiện và tác động phụ thuộc vào ý thức của con người phạm tội làm phát sinh hoặc thúc đẩy tình hình tội XPTD.

- *Căn cứ vào nội dung, các nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm XPTD được chia thành:*

+ Nguyên nhân và điều kiện kinh tế - xã hội. Đây là những nhân tố thuộc về lĩnh vực kinh tế - xã hội có thể tác động làm phát sinh các tội XPTD như là thất nghiệp, đói nghèo, quá trình đô thị và công nghiệp hóa...

+ Nguyên nhân và điều kiện văn hóa, giáo dục: Đây là những nhân tố hạn chế trong quá trình quản lý, triển khai thực hiện chính sách, chương trình về văn hóa, giáo dục có thể tác động ảnh hưởng làm phát sinh các tội XPTD. Ví dụ như nhà trường chưa quản lý nghiêm giờ giấc của học sinh, nhiều em trốn học đi lêu lổng; hay chưa chú trọng đưa giáo dục giới tính vào trong chương trình, hoặc đề cao giáo dục văn hoá mà chưa chú trọng dạy đạo đức cho các em...nó sẽ ảnh hưởng rất nhiều đối với nhân cách và suy nghĩ của một con người.

+ Nguyên nhân và điều kiện về tổ chức, quản lý. Đây là một thiếu sót, bất cập trong hoạt động của các cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhất định. Thuộc về nguyên nhân này có thể là các nhân tố như: buông lỏng quản lý, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, không hợp tác trong giải quyết vụ việc...

+ Nguyên nhân và điều kiện về chính sách, pháp luật: Đây là một số thiếu sót, bất cập của chính sách, pháp luật có thể tác động, ảnh hưởng làm phát sinh các tội XPTD.

1.3. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD là sự tương tác giữa các hiện tượng, quá trình (hay còn gọi là yếu tố) xã hội tiêu cực làm phát sinh tình hình các tội XPTD. Các yếu tố xã hội tiêu cực này có trong môi trường sống, nhân thân người phạm tội. Chính sự tác động qua lại giữa các yếu tố này là cơ sở cho việc xác định hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPTD.

Khi tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPTD phải nghiên cứu cả nguyên nhân, điều kiện bắt nguồn từ xã hội và nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ phía người phạm tội, sự tác động từ nguyên nhân, điều

kiện từ môi trường sống dẫn đến sự hình thành nhân cách lệch lạc của cá nhân người phạm tội, từ đó phát sinh tội phạm; bên cạnh đó còn có thêm một số tình huống cụ thể bởi một số trường hợp, tình huống đóng vai trò như là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm...

Môi trường sống bao giờ cũng giữ vai trò quy định đối với việc hình thành nhân cách, lối ứng xử của con người và là “bà đỡ” cho các loại hành vi người nảy sinh và tồn tại. Môi trường sống luôn luôn là bộ phận khách quan trong cơ chế tác động nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD. Môi trường sống thường được chia thành môi trường gia đình, môi trường nhà trường, môi trường xã hội.... Khi sống trong một môi trường không lành mạnh, con người dễ bị tác động dẫn tới việc hình thành nhân cách lệch lạc của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, tùy thuộc vào khả năng lĩnh hội, khả năng nhận thức của từng cá nhân con người mà sự tác động của môi trường sinh sống chung đối với mỗi con người rất khác nhau. Bởi trên thực tế, có nhiều người sống trong một môi trường có nét tương đồng nhau nhưng có người thực hiện hành vi phạm tội và có người không thực hiện hành vi phạm tội. Hoặc là ngay cả giữa những người phạm tội thì mức độ chịu sự tác động của môi trường dẫn đến việc thực hiện các hành vi phạm tội cũng khác nhau. Bởi mỗi cá nhân vẫn có tính độc lập dưới sự ảnh hưởng của môi trường sống, có nghĩa là việc tiếp thu, chịu sự tác động từ môi trường sống đến cá nhân nào lại là do từng cá nhân đó. Bởi vì, mỗi con người là một thực thể của xã hội, mỗi cá nhân sống trong môi trường đó, không phải chỉ thụ động chịu sự tác động một phía từ môi trường mà cá nhân đó đang sống đến bản thân mình, mà cá nhân đó còn có thể chủ động tiếp nhận và tác động trở lại đến môi trường.

Do vậy, tuy cùng sống trong môi trường xấu, nhưng có cá nhân dễ dàng chịu sự tác động của môi trường xấu, tiêm nhiễm nhanh chóng những thói hư, tật xấu ngoài xã hội nhưng ngược lại, cũng có cá nhân bản lĩnh vững vàng

trước mọi cám dỗ tiêu cực của môi trường sống một cách hạn chế. Đó là lý do vì sao trong xã hội có những người phạm tội tồn tại bên cạnh những người khác không phạm tội. Chính vì vậy khi tìm hiểu nguyên nhân của tội phạm thì phải tìm hiểu cả nguyên nhân từ phía người phạm tội với những tố chất sinh học và cả những đặc điểm tâm lý riêng biệt [19, tr.71].

Việc nghiên cứu tất cả các yếu tố tác động bắt nguồn từ phía xã hội và nguyên nhân xuất phát từ cá nhân người phạm tội, sự tác động qua lại giữa các yếu tố đó giúp cho chúng ta có cái nhìn đầy đủ, khách quan, toàn diện khi tìm hiểu về nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội XPTD.

1.4. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục với tình hình, nhân thân người phạm tội và với phòng ngừa tình hình các tội này

1.4.1. Mối quan hệ với tình hình các tội xâm phạm tình dục

Tình hình các tội xâm phạm tình dục là hiện tượng tâm sinh lý xã hội tiêu cực được biểu hiện thông qua tổng thể các hành vi xâm hại tình dục đã xảy ra và các chủ thể đã thực hiện hành vi đó trong một thời gian và không gian nhất định, biểu hiện qua mức độ, cơ cấu, diễn biến, tính chất của nó. Còn nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD là cái tạo nên tình hình tội phạm (nói cách khác nó là cái sinh ra kết quả). Từ đó có thể khẳng định quan hệ giữa tình hình các tội XPTD với nguyên nhân và điều kiện của nó là mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả. Nguyên nhân và điều kiện luôn có trước kết quả, còn kết quả chỉ xuất hiện sau khi có nguyên nhân xuất hiện.

Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện để giải thích tại sao lại có tình hình tội phạm như vậy, hoàn toàn cần phải dựa trên tình hình tội phạm, đó là cơ sở thực tế để xác định những nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội XPTD nói riêng.

1.4.2. Mối quan hệ với nhân thân người phạm tội xâm phạm tình dục

Nhân thân người phạm tội XPTD tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự quy định là tội phạm XPTD, được hiểu là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó. Hay nói một cách khác, nhân thân người phạm tội XPTD là tất cả những đặc điểm để xác định một con người (người đó phạm tội XPTD) như tuổi, trình độ học vấn, chiều cao, cân nặng, nghề nghiệp, sở thích...

Nhân thân người phạm tội là bộ phận cấu thành tất yếu và rất quan trọng trong cơ chế hành vi phạm tội, còn các hoàn cảnh của sự hình thành các đặc điểm tâm lý – xã hội tiêu cực của cá nhân xuất hiện trước các đặc điểm của cá nhân nằm trong mối quan hệ nhân quả với tình hình các tội XPTD, đó là yếu tố thuộc về môi trường sống.

Việc nghiên cứu nhân thân những người phạm tội trên cơ sở của sự khái quát các nguyên nhân và tính chất của các hành vi phạm tội XPTD cụ thể cho phép rút ra những nhân tố phạm tội chung, giải thích được những thay đổi trong thực trạng, cơ cấu, động thái của tình hình tội phạm có liên quan với những thay đổi trong các đặc điểm của những người phạm tội. Từ đó thấy rằng việc nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội XPTD tạo cơ sở cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD, nhất là nhóm nguyên nhân và điều kiện từ phía người phạm tội.

1.4.3. Mối quan hệ với phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục

Phòng ngừa tình hình các tội XPTD được hiểu theo nghĩa rộng là toàn bộ những hoạt động nhằm khắc phục, loại trừ dần nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm XPTD và phát hiện, ngăn chặn, xử lý các tội phạm

XPTD đã và đang xảy ra. Những hoạt động đó được tiến hành với những biện pháp cụ thể khác nhau (ví dụ: giáo dục xã hội, phát triển kinh tế, khởi tố, điều tra, truy tố...). Như vậy, ở nghĩa rộng phòng ngừa tình hình tội phạm XPTD bao gồm các hoạt động phòng (ở nghĩa hẹp) và chống (hiểu ở nghĩa hẹp). Ở nghĩa hẹp, phòng ngừa tình hình các tội XPTD là các hoạt động với những biện pháp khác nhau hướng vào khắc phục loại trừ dần, tiến tới thủ tiêu các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm XPTD...

Chính vì vậy, việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD là bước đầu, và cơ sở để tiến tới việc đề ra các giải pháp phòng ngừa các tội XPTD.

Kết luận chương 1

Trong Chương 1, tác giả đã trình bày khái niệm, phân loại và ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD, trình bày cơ chế tác động và mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD với tình hình, nhân thân, phòng ngừa tình hình tội phạm XPTD. Qua phân tích, tìm hiểu những nội dung đó cho thấy:

- Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực và sự tương tác của chúng làm phát sinh tình hình các tội XPTD.

- Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa các tội XPTD một cách khoa học và hiệu quả. Không chỉ dừng lại ở đó, nó còn có ý nghĩa đối với việc hoạch định các chính sách kinh tế, xã hội, đặc biệt các chính sách pháp luật nói chung và chính sách hình sự nói riêng.

- Dựa vào nguồn gốc xuất hiện, nội dung hình thành, mức độ tác động của nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD, ta có nhiều cách phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD.

- Tình hình các tội phạm XPTD là hiện tượng có tính chất cá nhân và xã hội. Do đó, khi tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD phải nghiên cứu cả nguyên nhân, điều kiện bắt nguồn từ phía xã hội và nguyên nhân, điều kiện xuất phát từ phía người phạm tội; bên cạnh đó cũng cần tìm hiểu những tình huống cụ thể bởi vì một số trường hợp, tình huống đóng vai trò như là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm.

Những vấn đề nêu trên là cơ sở lý luận, căn cứ pháp lý cho việc xác định, đánh giá thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Chương 2

THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

2.1. Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Việc tìm hiểu, đánh giá thực trạng nhận thức của người dân trong xã hội về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm XPTD có vai trò và ý nghĩa hết sức to lớn, bởi từ thực trạng của nhận thức mà đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của mọi người về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm XPTD từ đó tiến tới loại trừ, ngăn chặn, giảm thiểu loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

Cho đến nay, việc tìm hiểu thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của các loại tội phạm khác hoặc tội phạm XPTD chưa được tiến hành một cách có hệ thống và hiệu quả; chưa có công trình nghiên cứu lớn về thực trạng nhận thức của mọi người về một tội phạm cụ thể. Điều đó gây khó khăn cho việc tìm ra giải pháp nhằm nâng cao nhận thức của mọi người, hay nói cách khác là mỗi người còn cách hiểu chung chung, thậm chí là chưa toàn diện đầy đủ, sai lệch về các nguyên nhân và điều kiện của tội XPTD, từ đó giảm thiểu hiệu quả của việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm này.

Tiến hành khảo sát vấn đề này đối với 300 người bao gồm các đối tượng: học sinh trường trung học cơ sở và trung học phổ thông (70 em); Giáo viên (30 người), công nhân (50 người); người dân (làm ruộng, buôn bán nhỏ, thất nghiệp...100 người), cán bộ làm bên cơ quan bảo vệ pháp luật (CQĐT, VKSND, TAND với số lượng 50 người) cho kết quả như sau:

Kết quả khảo sát từ các cán bộ làm trong ngành bảo vệ pháp luật về nguyên nhân và điều kiện của tội XPTD thì hầu hết cho rằng phần lớn do người phạm tội có lối sống trụy lạc, nhu cầu tình dục thấp hèn, coi thường

danh dự, nhân phẩm của người khác, bất chấp để đạt được mục đích thỏa mãn dục vọng, bên cạnh đó có một số ý kiến cho rằng do trình độ hiểu biết của người phạm tội và nạn nhân còn thấp, nhiều trường hợp đã cấu thành tội phạm (hiếp dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em...) mà vẫn không hay biết.

Nhận thức của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng về nguyên nhân và điều kiện của tội XPTD cũng được thể hiện ở trong các văn bản tố tụng hình sự như bản cáo trạng, bản án. Đối với bản cáo trạng trong các tội XPTD, đã nêu lên các tình tiết, nguyên nhân dẫn đến tội phạm. Cũng tương tự như vậy, tùy từng vụ án mà trong phần nhận định ở các bản án về tội XPTD có những nguyên nhân khác nhau (nguyên nhân từ bị cáo, nguyên nhân từ bị hại...) và mức độ khác nhau nhằm làm sáng tỏ vụ án, đưa ra mức hình phạt tương xứng.

Chiếm tỷ lệ lớn 90% mọi người cho rằng nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTD chủ yếu từ phía người phạm tội có nhu cầu tình dục cao và tình dục thấp hèn, để thỏa mãn nhu cầu đó chính là việc thực hiện hành vi XPTD người khác một cách trái pháp luật; 70% số người cho rằng nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTD do chính từ bản thân của nạn nhân có lối sống dễ dãi, buông thả, ý thức bảo vệ danh dự, nhân phẩm chưa cao; 10% số người cho rằng nguyên nhân, điều kiện của các tội XPTD do pháp luật chưa đủ sức răn đe, khung hình phạt của các tội này còn nhẹ so với hậu quả mà nó gây ra, bởi vậy người phạm tội có tâm lý coi thường pháp luật, dẫn tới việc phạm tội.

So với một số tội danh khác, nhận thức của người dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang về nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTD đã có nét sơ bộ, tuy nhiên vẫn chưa nắm đầy đủ, toàn diện một số nguyên nhân khác có vai trò không nhỏ dẫn tới tình hình các tội XPTD như nguyên nhân giáo dục, kinh tế - xã hội, văn hóa...

2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

2.2.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc môi trường sống (nguyên nhân và điều kiện khách quan)

2.2.1.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc phạm vi gia đình

Trong cuộc sống của mỗi chúng ta, gia đình có một vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành nhân cách của con người. Gia đình là nơi ta sinh ra, lớn lên là cái nôi nuôi dưỡng, chở che cho ta khôn lớn. Gia đình là cái nôi hạnh phúc của con người từ bao thế hệ: đùm bọc, yêu thương, giúp con người vượt qua được những khó khăn, trở ngại trong cuộc sống. Vì thế gia đình có giá trị bền vững và vô cùng to lớn không thứ gì sánh được, cũng như không có bất cứ vật chất cũng như tinh thần nào thay thế nổi. Mỗi con người sinh ra và lớn lên, trưởng thành đều có sự ảnh hưởng, giáo dục to lớn từ truyền thống gia đình. Do đó, tùy thuộc vào từng kiểu gia đình mà có sự ảnh hưởng khác nhau.

Trước hết là những gia đình có cha mẹ mất sớm, các con có thể ở với ông bà, chú bác hoặc người thân khác... tuy nhiên vẫn không thể bù đắp được được tình cảm như cha mẹ ruột. Chính vì vậy, những ai sinh ra trong gia đình có cha, mẹ mất sớm thường thiếu tình cảm và sự yêu thương, dẫn tới thiếu sự hoàn thiện về suy nghĩ, lối sống, lựa chọn hành vi, dễ xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và XPTD nói riêng.

Thứ hai là gia đình có bố mẹ mâu thuẫn (hoặc gia đình khuyết thiếu) đều có ảnh hưởng nhất định đến con cái. Ở Hậu Giang, tỷ lệ gia đình ly hôn khá cao, phần lớn người phụ nữ lập gia đình rất sớm, chỉ ở độ tuổi 18 - 20, kết hôn do mai mối nên khi về sống chung, tính cách nhiều điểm bất đồng, mâu thuẫn cao không giải quyết được nên chọn phương thức ly hôn; hoặc do đặc điểm phong cách sống của người dân miền Tây nói chung, Hậu Giang nói

riêng có phần phóng khoáng, dễ dẫn tới việc không chung thủy một vợ, một chồng, nhiều gia đình đổ vỡ; cũng không thể thiếu những trường hợp lấy chồng nước ngoài (Hàn quốc, Đài Loan) nhưng cuộc sống gia đình không hạnh phúc, phải đem con về quê sinh sống, thiếu sự chăm sóc của các ông cha “ngoại quốc”... Nếu bố mẹ thường mâu thuẫn, con sẽ sống trong một gia đình luôn căng thẳng, thiếu sự hoà thuận, đầm ấm, mọi người không chú ý, quan tâm đến nhau khiến những người con chán nản cuộc sống gia đình, dẫn đến chán học và tham gia vào nhóm bạn xấu... Ở những gia đình đã ly hôn có con cái thường không được giáo dục một cách hoàn chỉnh, thiếu sự cân bằng... hình thành những cảm xúc tiêu cực như buồn khổ, tự ti, chán nản. Chúng sẽ tìm sự cân bằng ở những người khác, có thể trong họ hàng, láng giềng nhưng cũng có khi ở những nhóm bạn cùng cảnh ngộ hoặc các tệ nạn như nghiện hút, cờ bạc, xem văn hóa phẩm đồi trụy để quên đi những thiếu hụt đó... từ lối sống và hành vi không lành mạnh, dễ dẫn đến hành vi phạm tội đáng tiếc như XPTD. Một số em dễ dãi trong việc làm quen kết bạn, yêu đương nhưng lại thiếu kỹ năng sống và ứng xử nên bị các đối tượng xấu lợi dụng xâm hại hoặc bị lừa gạt, những em có cha mẹ tái hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác thì các em rất dễ bị lạm dụng tình dục bằng nhiều hình thức khác nhau, mức độ nghiêm trọng khác nhau. Ví dụ như trường hợp của chị Trần Thị Thu Hà (ấp Hòa Phụng, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang), sau khi chồng mất, vào năm 2008 chị đã chung sống như vợ chồng với Võ Văn Hiếu (sinh năm 1981). Sống chung trong gia đình chị Hà còn có 02 con gái là Lê Thùy Trân và Lê Thùy Dung. Vào khoảng 21 giờ ngày 25/01/2015, sau khi chở Dung (sinh năm 2006) đi chơi từ nhà cha đẻ của Hiếu về, Hiếu kêu Dung vào buồng ngủ chung với Hiếu và chị Hà. Đến khoảng 22 giờ, chị Hà thức dậy đi vệ sinh và nằm nghỉ ngoài vồng trước nhà, khi chỉ còn Hiếu và Dung trong buồng, Hiếu nảy sinh ý định quan hệ tình dục

với Dung nên dùng tay sờ vào âm đạo của Dung thấy Dung không phản ứng nên Hiếu thực hiện hành vi quan hệ tình dục với Dung, Dung thức dậy la “đau quá cha ơi”, Hiếu quan hệ một lúc thì xuất tinh, nghe tiếng Dung la nên chị Hà đang nằm ngoài võng chạy vào phát hiện. Đến sáng gia đình chị Hà trình báo chính quyền địa phương.

Qua điều tra, Võ Văn Hiếu thừa nhận ngoài lần quan hệ tình dục với Dung như trên, trong thời gian sống cùng gia đình chị Hà, Võ Văn Hiếu còn thực hiện hành vi quan hệ tình dục với Lê Thùy Trân 01 lần và Lê Thùy Dung 01 lần nữa.

Thứ ba là trẻ em sinh ra ở những gia đình mà cha mẹ mãi mê làm ăn (có thể do quá nghèo hoặc cả gia đình có kinh tế khá giả). Trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, nhiều gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhất là ở nông thôn, cha mẹ tập trung lao động, làm mướn, làm thuê để kiếm sống, con cái không được chăm sóc kỹ càng. Do không có thời gian quan tâm, chăm sóc, giáo dục, lắng nghe con cái tâm sự nên các bậc cha mẹ này khó mà nắm được tâm tư, nguyện vọng của các em, nếu ở độ tuổi dậy thì thì các em càng tò mò về giới tính, dẫn đến các đối tượng này có thể là tội phạm hoặc nạn nhân của tội XPTD. Ngoài ra, sống trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nhiều trẻ em phải bỏ học để lên các thành phố như Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh... làm thuê, kiếm tiền giúp đỡ cho gia đình. Tuy nhiên do không được giáo dục đầy đủ (từ phía gia đình và nhà trường), lại tiếp xúc với môi trường lao động vất vả, nhiều thành phần, rất dễ bị lôi kéo vào những thói hư, tật xấu như sống buông thả, trộm cắp, nghiện ngập, hay thiếu kiến thức sống nên dẫn tới XPTD. Ví dụ vào khoảng tháng 11/2010, Nguyễn Thị Lan sinh ngày 08/10/1996 xin vào làm việc tại Công ty xuất khẩu rau quả của bà Phạm Thị Cẩm Trang, sinh năm 1962 ngụ tại số 14/2B, đường Thống Nhất, phường 1B, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh có quen biết Nguyễn Văn Hương là công

nhân ở đây. Đến khoảng tháng 12/2010 bà Trang cho Lan nghỉ làm vì nhỏ tuổi. Nguyễn Văn Hưởng biết rõ Nguyễn Thị Lan chưa đủ 16 tuổi nhưng đã thuê nhà trọ chung sống như vợ chồng với Lan. Một tuần lễ sống tại nhà trọ, Hưởng quan hệ tình dục với Lan 03 lần. Ngày 22/12/2010, Hưởng dẫn Lan về nhà của mình tại ấp Phú Tân A, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, tại đây Hưởng quan hệ tình dục với Lan 03 lần. Sau đó, bà Cao Thị Hội đã làm đơn tố cáo đến Công an huyện Châu Thành, Nguyễn Văn Hưởng bị khởi tố.

Một số gia đình có điều kiện kinh tế tốt suốt ngày quan tâm công việc, không trực tiếp chăm sóc, quản lý con mình mà chỉ cung cấp tiền, các vật dụng đắt tiền như máy tính bảng, điện thoại... nhưng lại không quan tâm con cái sử dụng các thiết bị, tiền đó như thế nào, không tìm hiểu các mối quan hệ, thời gian sinh hoạt của con nên các em dễ bị bạn bè xấu lôi kéo, dụ dỗ vướng vào các thói hư tật xấu như nghiện hút, uống rượu bia, XPTD người khác hay bị người khác XPTD.

Thứ tư là gia đình có cha mẹ có kiến thức hạn chế, nhất là về văn hoá, xã hội, kinh tế, pháp luật, không đủ hiểu biết để định hướng đầy đủ những chuẩn mực xã hội cho con cái. Việc bố mẹ thiếu hiểu biết, ứng xử kém văn hoá, từ cách xưng hô (nhiều bậc cha mẹ gọi nhau là mày - tao, xưng mày - tao với con cái...) cho đến những cãi lộn, dùng những từ ngữ tục tĩu, thiếu văn hoá sẽ làm trẻ nhiễm theo những thói xấu đó. Từ việc thiếu kiến thức, thiếu hiểu biết về xã hội, về pháp luật sẽ không có phương cách dạy dỗ trẻ ngoài thời gian trẻ được giáo dục tại nhà trường. Đối với những gia đình này thì việc phối hợp với nhà trường trong giáo dục trẻ là hầu như không có và không hiệu quả. Phần lớn các gia đình Việt Nam chưa có thói quen dạy trẻ về giới tính, coi đây là vấn đề cấm kỵ, nếu trẻ đặt câu hỏi thì trả lời qua loa hoặc “lớn lên sẽ biết” càng làm kích thích sự tò mò của trẻ và trẻ sẽ tìm hiểu ở

những kênh thông tin khác. Khi trẻ kết bạn và tỏ thái độ thân mật với người khác giới, nhất là trong giai đoạn dậy thì, lẽ ra gia đình phải giải thích, hướng dẫn, làm bạn với trẻ để định hướng cho trẻ có mối quan hệ đúng hướng, an toàn thì nhiều gia đình lại ngăn cấm thô bạo, kiểm soát chặt chẽ, lục lọi vật dụng, la mắng với những lời lẽ nặng nề làm trẻ xấu hổ, tự ti...

Trẻ không nhận thức được những chuẩn mực, đạo đức xã hội từ trong gia đình, hơn nữa việc học tập không nhận được sự trợ giúp từ bố mẹ, những người thân về kiến thức... dẫn đến học kém và chán học (có thể có cả những yếu tố di truyền), chúng tự đánh giá thấp về bản thân và chính những người thân trong gia đình. Chúng có thể có sự so sánh với những bạn cùng lớp, những gia đình xung quanh có điều kiện tốt hơn và dẫn đến thất vọng, chán nản, không có niềm tin từ sự giáo dục của gia đình và chúng rất dễ bỏ học, bước vào con đường xấu, dẫn đến phạm pháp.

Ngoài ra, do bản thân cha mẹ, người lớn trong gia đình cũng mù mờ về giáo dục giới tính, nhận thức hạn chế, không đúng đắn về xâm phạm tình dục nên không có sự chỉ bảo cần thiết, đến khi trẻ bị xâm phạm tình dục thì gia đình lúng túng trong cách xử lý, xấu hổ, sợ nhiều người biết, mặc cảm... nên chậm hoặc không tố cáo tội phạm với cơ quan chức năng đã vô tình che đậy, tiếp tay cho kẻ đã xâm phạm tình dục trẻ em.

Thứ năm là gia đình cha mẹ không kiểm soát được việc xem phim, ảnh sex, thiếu tế nhị trong sinh hoạt. Thường mô hình nhà ở các tỉnh miền Tây nói chung và Hậu Giang nói riêng, nhà xây thoáng, rộng, không có các phòng kín. Cha mẹ và con cái ngủ chung phòng với nhau, mặc dù con cái đã lớn, đôi khi việc sinh hoạt của cha mẹ không tế nhị sẽ làm cho con trẻ tò mò, hoặc nhiều ông bố xem phim có tính chất nhạy cảm trước mặt con trẻ, ảnh hưởng đến tâm lý tò mò, thích khám phá giới tính của các em... Điều đó cũng là nguyên

nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội XPTD của các em sống trong môi trường như vậy.

2.2.1.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc phạm vi nhà trường

Với nhận thức phát triển kinh tế gắn liền với việc nâng cao trình độ dân trí, thời gian qua, tỉnh Hậu Giang tiếp tục đầu tư kinh phí phát triển ngành giáo dục. Cơ sở vật chất trường lớp được tiếp tục đầu tư xây dựng, mạng lưới trường, lớp học tăng đáng kể nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng nông thôn; đã thu hút hầu hết các học sinh trong độ tuổi đến trường, thể hiện qua tỷ lệ huy động học sinh các cấp hàng năm đều tăng. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở được giữ vững, tỉnh đang triển khai thực hiện phổ cập bậc trung học bước đầu có hiệu quả. Chất lượng giáo dục và đào tạo từng bước được nâng lên; tỷ lệ giáo viên được chuẩn hóa ngày càng tăng.

Tổng kinh phí cho đầu tư phát triển cơ sở vật chất ngành giáo dục giai đoạn 2011 - 2015 là 1.529 tỷ đồng. Năm 2015 ngành học mầm non và phổ thông có tổng số 338 trường, tăng 19 trường so với năm 2010. Đặc biệt từ nguồn vận động xã hội hóa hàng trăm tỷ đồng và ngân sách của địa phương đã đầu tư xây dựng 13 trường mầm non, mẫu giáo, đến nay 100% xã, phường đều có trường mầm non. Tổng số phòng học hiện có 6.451 phòng tăng so với năm 2010 là 1.481 phòng. Tính đến năm 2015 đã công nhận 152 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 45%, tăng 98 trường so năm 2010. Đối với giáo dục thường xuyên, chuyên nghiệp: có 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; 07 Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện, thị xã, thành phố, 74/74 Trung tâm học tập cộng đồng; 01 Trường Cao đẳng Cộng đồng, 01 Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và 01 Trường Đại học Võ Trường Toản, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương.

Đội ngũ giáo viên đã cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của tỉnh, khắc phục được tình trạng thiếu giáo viên ở vùng khó khăn. Hầu hết giáo viên trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Các kỳ thi được tổ chức an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, không có sai sót và sự cố bất thường. Số lượng học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia và tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông liên tục tăng. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Tuy nhiên, ở một số xã nghèo, cơ sở vật chất của trường học vẫn còn thiếu thốn, vào mùa mưa, hầu như các trường học đều bị ngập trong nước, mái trường dột nát, con đường tới trường khó khăn, có em phải lội hàng mấy km để tới trường, hoặc đi qua nhiều cây cầu khi...nên nhiều em đã chọn bỏ học giữa chừng. Đối tượng ở những vùng sâu này có học vấn thấp, nhất là kiến thức về pháp luật. Bộ phận dân cư này không có điều kiện để tiếp xúc với các loại hình giáo dục, như một số xã ở huyện Long Mỹ, Phụng Hiệp nhận thức và hiểu biết của họ về các vấn đề xã hội, pháp luật còn mơ hồ, nên có suy nghĩ không đúng chuẩn mực dẫn tới hành vi vi phạm pháp luật, trong đó có hành vi XPTD.

Cũng do vật chất thiếu thốn, nhiều trường học chưa có khu vui chơi, giải trí cho các em hoặc thư viện sách với nhiều đầu sách hay để thu hút các em vui chơi lành mạnh sau giờ học. Bên cạnh đó, gần các trường học lại có nhiều tiệm game, internet... nhiều em đã bỏ học ra tiệm chơi các trò mang tính chất bạo lực, hay xem nhưng phim khiêu dâm, từ những hình ảnh trên phim, các em tò mò và rủ bạn thực hiện theo. Như trường hợp của Trần Thanh Duy (sinh ngày 20/2/1993), ngụ thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Duy thường xuyên trốn học để ra tiệm internet xem phim người lớn, vào tháng 5/2012 Duy rủ bạn gái là Trịnh Thu Phương (sinh ngày 2/2/1996, quê quán Xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) mới quen

của mình đi nhà nghỉ Xuân Mai (thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) để thực hiện theo như những động tác đã xem trên mạng. Tháng 8 năm 2012, mẹ của Phương phát hiện Phương có thai và đã làm đơn trình báo cơ quan công an.

Hiện nay, công tác giáo dục đạo đức, cũng như văn hóa ứng xử chưa được quan tâm đúng mức, hầu hết đề cao kiến thức văn hóa hơn đạo đức. Sự xem nhẹ, coi thường giáo dục tư tưởng, đạo đức đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển và hoàn thiện về nhân cách, làm cho học sinh nhận thức lệch lạc, nhu cầu không lành mạnh. Những biểu hiện tiêu cực của học sinh sẽ là nguồn nguy hiểm để tệ nạn xã hội nói chung và tội phạm XPTD nói riêng xảy ra nhiều.

Trong chương trình giáo dục giới tính trong trường phổ thông còn nhiều bất cập, việc dạy và học đều mang tính đối phó, chưa phù hợp với các độ tuổi, không cung cấp đủ kiến thức cho học sinh về tâm, sinh lý lứa tuổi, về sức khỏe sinh sản, về kỹ năng kiềm chế ham muốn tình dục, về những tác hại trước mắt và lâu dài nếu quan hệ tình dục sớm hoặc bị xâm phạm tình dục nên không hiệu quả. Giáo viên giáo dục giới tính hầu hết là kiêm nhiệm, không đầu tư, sáng tạo để truyền tải cho các em kỹ năng nhận biết các dấu hiệu của hành vi xâm phạm tình dục để tự phòng vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ khi xảy ra, cũng có một số giáo viên còn tâm lý ngại khi nói về giới tính, tình dục nên khơi gợi nên sự tò mò của các em, nhất là ở lứa tuổi dậy thì. Bản thân trẻ em ngay từ nhỏ đã quan tâm đến sự khác biệt giới tính giữa con trai - con gái và sự quan tâm này tiếp tục phát triển khác nhau theo độ tuổi của trẻ nên nếu không có nền tảng cơ bản kiến thức về giáo dục giới tính, để các em tự tìm hiểu qua các kênh thông tin tràn lan như hiện nay sẽ dẫn đến nhận thức và hành động sai lầm, lệch lạc trong vấn đề liên quan đến tình dục.

Trên thực tế, vẫn còn tồn tại hạn chế như nhà trường chưa tạo được sự phối hợp, gắn kết với gia đình, các tổ chức đoàn thể xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh, nhà trường chỉ quản lý học sinh khi đến lớp, chưa quan tâm, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình, các mối quan hệ của học sinh với bên ngoài để kịp thời nắm tâm tư, tình cảm và phối hợp với cha mẹ các em có biện pháp giáo dục hợp lý. Việc quản lý còn lỏng lẻo của nhà trường và gia đình nên nhiều khi các em bỏ học để làm gì, đi đâu nhưng không biết. Các em dễ bị lôi kéo, dụ dỗ thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật, hay có ý thức lệch chuẩn... ảnh hưởng tới sự phát sinh tệ nạn xã hội, tội phạm nói chung và tội phạm XPTD nói riêng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Ví dụ như: Ngày 18/02/2015 em Phạm Thị Diễm Hương (08/5/2002) từ nhà xách cặp đi học nhưng không đến trường mà đến nhà Trương Thị Kiều Tiên (bạn của Hương) chơi, sau đó hẹn với Trần Minh Nhựt (sinh ngày 01/7/1994, bạn trai Hương) và Hảo (bạn trai Tiên) đến rước đi chơi. Hảo điều khiển xe mô tô biển số 95F1-3447 chở Tiên, Nhựt điều khiển xe mô tô biển số 95F3-3455 chở Hương đi dạo. Sau khi đi chơi vòng các tuyến đường thành phố Vị Thanh, đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì cả bốn người thuê một phòng trọ tại nhà trọ 642.642 tại ấp Xẻo Lùng, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang để bàn bạc chuyện đi Bình Dương. Do Tiên muốn đi Bình Dương, Hảo không cho đi nên Tiên bỏ ra ngoài, Hảo lấy xe đuổi theo. Trong phòng chỉ còn lại mỗi Hương và Nhựt nên Hương và Nhựt hôn môi nhau, trong hai đêm (đêm 25 và 26/2/2015), Nhựt đã có hành vi hôn môi, cởi hết quần áo của Hương và dùng tay sờ vú, âm hộ của Hương 06 lần. Nhựt bị VKSND thành phố Vị Thanh truy tố vì tội dâm ô với trẻ em...

2.2.1.3. Nguyên nhân và điều kiện thuộc phạm vi kinh tế - xã hội

Tuy là một tỉnh mới được thành lập chưa lâu, nhưng với sự nỗ lực của các Đảng ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng toàn thể ban ngành, nhân dân Hậu

Giang đã gặt hái được những kết quả đáng kể. Từ giai đoạn 2010-2015, nền kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang có nét khởi sắc như:

Thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo quan điểm phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt khá cao 13,2 - 13,5%/năm theo giá so sánh 1994 và đạt 6,27%/năm theo giá so sánh 2010; cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, các thành phần kinh tế phát triển khá về quy mô, tỷ trọng thành phần kinh tế có vốn nhà nước có xu hướng giảm, kinh tế tư nhân và hộ cá thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng lên, tỷ trọng năm 2010 là 17% - 82,8% - 0,2%, đến năm 2015 là 14,75% - 85% - 0,25%. Kinh tế hợp tác xã phát triển khá đa dạng, theo hướng củng cố, nâng chất và giải thể các hợp tác xã hoạt động không hiệu quả, kết quả: đến năm 2015 có 218 hợp tác xã các loại, tăng 56 hợp tác xã so với năm 2010, chất lượng hoạt động các hợp tác xã đang được củng cố, đã giải thể 76 hợp tác xã hoạt động không hiệu quả. Đời sống nhân dân đã có bước cải thiện khá rõ nét, giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2015 đạt 36,5 triệu đồng/người (tương đương 1.672 USD) gấp 2,3 lần năm 2010 và bằng 81% mức bình quân của đồng bằng sông Cửu Long.

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm ở khu vực I và tăng ở khu vực II và III, lao động giữa 3 khu vực I, II, III năm 2010 là 67% - 12% - 21%, đến năm 2015 là 61% - 14,97% - 24,03%. Bình quân mỗi năm lao động khu vực I giảm chậm chỉ được 1,2%.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (VA) theo giá so sánh 1994 giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân từ 13,2 - 13,5%/năm, trong đó khu vực I: 3,87%, khu vực II: 15,47%, khu vực III: 17,65%. Tốc độ tăng trưởng GRDP theo giá 2010 đạt

6,27%/năm, trong đó khu vực I: 1,85%, khu vực II: 15,43%, khu vực III: 7,9%.

Giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2015 đạt 36,5 triệu đồng/người (tương đương 1.672 USD); Khi áp dụng phương pháp tính tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh thì GRDP bình quân đầu người đạt 27,88 triệu đồng, quy tương đương 1.277 USD.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm 2011 - 2015: 61.610 tỷ đồng, tăng bình quân 12,07%/năm, bình quân mỗi năm từ 12.000 đến 12.500 tỷ đồng; Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thu ngoại tệ đến cuối năm 2015 đạt 506,45 triệu USD. Giá trị xuất khẩu đến năm 2015 đạt 420,025 triệu USD, tăng bình quân 18,06%/năm; nhập khẩu đạt 86,425 triệu USD, tăng bình quân 11,79%/năm.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng tới tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn nói chung, tội phạm XPTD nói riêng.

Với đặc điểm điều kiện tự nhiên có các điều kiện giao thông thủy, bộ thuận lợi: Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt như: sông Hậu, sông Cần Thơ, sông Cái Tur, kênh Quản Lộ, kênh Phụng Hiệp, kênh Xà No, sông Cái Sắn... Các tuyến đường lớn chạy qua tỉnh là quốc lộ 1A, quốc lộ 61, quốc lộ 61B. Diện tích đất tự nhiên: 160.245 ha; Diện tích đất nông nghiệp: 140.270 ha. Trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp: 133.925 ha; Đất lâm nghiệp: 5.104 ha; Đất nuôi trồng thủy sản: 1.204 ha; đất nông nghiệp khác: 37 ha. Và điều kiện về dân số khu vực nông thôn: 590.000 người (75%)... thì Hậu Giang thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Các sản phẩm chính như lúa là cây trồng chủ lực, diện tích trồng lúa ổn định khoảng 78.000 ha, diện tích gieo trồng năm 2015: 207.029 ha, năng suất bình quân 6,31 tấn/ha, sản lượng 1,306 triệu tấn;

Cây mía đến năm 2015 diện tích còn 11.589 ha, giảm 1.474 ha so với năm 2010; năng suất bình quân 100 tấn/ha; sản lượng 1,1 triệu tấn;

Rau màu, diện tích gieo trồng 22.801 ha (năm 2010 là 14.407 ha), sản lượng 253.045 tấn, tăng 50% so với năm 2010. Cơ cấu cây trồng thay đổi theo hướng lựa chọn những cây trồng có hiệu quả kinh tế cao được trồng tập trung.

Cây ăn trái tăng mạnh, nhất là cây có múi sạch bệnh và cây ăn trái đặc sản, trong đó các cây trồng chủ lực như: Bưởi Năm roi, cam mật, cam sành, quýt đường, xoài cát Hòa Lộc,..., diện tích cây ăn trái tăng từ 22.962 ha năm 2010 lên 33.893 ha năm 2015 tăng 47,6% (trong đó cây khóm 1.600 ha). Sản lượng 265.000 tấn, tăng 55% so với năm 2010. Cơ cấu cây có múi chiếm 46,5% diện tích cây ăn trái.... Đặc điểm của sản xuất những cây nêu trên nói chung và sản xuất nông nghiệp nói chung mang tính chất thời vụ, người lao động chỉ tập trung thời gian vào đầu mùa lúc gieo trồng và cuối mùa lúc thu hoạch nên thời gian lúc giữa mùa vụ, và thời gian cho mùa vụ tiếp theo thì đa số người lao động rảnh rỗi; một số người dân đi kiếm thêm việc làm nhằm kiếm thêm thu nhập, còn một số thì ở nhà cho qua ngày. Không có việc làm nên dễ có các hành vi tiêu cực, không đúng chuẩn mực trong cuộc sống làm phát sinh tội phạm.

Mặc dù diện tích, sản lượng hầu hết các cây trồng chính đều tăng nhưng do sự gắn kết giữa nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp chưa chặt chẽ, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào nông nghiệp còn chậm; sản xuất nông nghiệp còn manh mún, chất lượng nông sản hàng hóa còn thấp, chi phí sản xuất cao và bị ảnh hưởng mạnh vào yếu tố thị trường, nên gặp khó khăn trong tiêu thụ, hiệu quả thấp; phát triển kinh tế hợp tác còn nhiều hạn chế chưa thật sự là chỗ dựa bền vững cho người nông dân; việc thực hiện quy hoạch ngành nông nghiệp còn nhiều bất cập, chưa thật sự có hiệu quả, người dân chưa tuân thủ vào công tác quy hoạch

cũng như kế hoạch phát triển chung của ngành, vẫn còn tồn tại thói quen sản xuất tự phát, chưa theo qui luật thị trường. Cơ cấu giống cây con chưa được cải thiện nhiều nên sản phẩm có sức cạnh tranh yếu, hiệu quả sản xuất còn thấp. Sự hỗ trợ của nhà nước về chính sách tiêu thụ sản phẩm, giá cả, quản lý vật tư đầu vào, khoa học công nghệ chưa tỏ ra hiệu quả, kịp thời và bền vững.

Như bệnh vàng- xoắn lá trên cây lúa, rầy nâu... hoặc điều kiện tự nhiên của đặc thù của Hậu Giang là vùng trũng, một số diện tích phải thu hoạch chạy lũ nên nông dân thường phải thu hoạch sớm, ảnh hưởng chất lượng

Đặc biệt, trong những năm gần đây, khí hậu thời tiết thay đổi, các dịch bệnh như heo tai xanh, bệnh ecoli ở gia cầm làm số lượng gia súc, gia cầm giảm đáng kể, người dân bị thiệt hại nặng nề. Tỉnh Hậu Giang nằm trong vùng Tây Sông Hậu, địa hình trũng, chịu ảnh hưởng của 02 chế độ thủy triều Biển Đông và Biển Tây nên mặn sẽ xâm nhập vào địa bàn tỉnh. Do vậy, khi xảy ra tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn thì hầu như toàn bộ diện tích tỉnh Hậu Giang đều bị mặn xâm nhập và lưu mặn rất lâu trong các vùng trũng Phụng Hiệp, Long Mỹ nhất là tình trạng hạn hán, xâm, nhập mặn nghiêm trọng như hiện nay đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất của người dân.

Đến cuối tháng 4/2016, tại Hậu Giang, mặn đã xâm nhập trên 80% diện tích đất nông nghiệp, gây thiệt hại hơn 1.200 ha lúa đông xuân với mức thiệt hại trên 30% và hơn 6.000 ha lúa hè thu của 6 xã không xuống giống được; nhiều diện tích hoa màu, cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng nặng. Thiên tai, mất mùa, chi phí đầu tư cao... lợi nhuận từ sản xuất nông nghiệp thấp nên nông dân chán nản, không còn ham thích lao động, dọc quốc lộ 61 nối dài từ Hậu Giang lên Cần Thơ, nhiều khu ruộng lúa được cấm băng bán đất.

Trong công nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tính theo giá so sánh 1994 tăng bình quân 24,8%/năm (Kế hoạch là 44,8%), giá trị gia tăng đạt 17,4%/năm; quy mô công nghiệp của tỉnh còn nhỏ, chủ yếu là công nghiệp chế biến (chiếm 95%) và công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước, khí đốt (chiếm 5%). Công nghiệp của tỉnh toàn bộ là công nghiệp địa phương, công nghiệp trung ương trên địa bàn tỉnh không có và đây là một hạn chế lớn trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Giá trị sản xuất công nghiệp chủ yếu do sự đóng góp của khu vực kinh tế ngoài nhà nước (chiếm 84,5%), kinh tế có vốn nhà nước chiếm 13,5%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quy mô rất nhỏ chiếm 2,3%.

Toàn tỉnh có 4.200 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đang hoạt động; có 2 khu công nghiệp và 8 cụm công nghiệp tập trung, với tổng diện tích là 1.529,7 ha, trong 05 năm đã thu hút được 50 nhà đầu tư, gồm 78 dự án; tổng vốn đầu tư đăng ký gần 70.000 tỷ đồng và 668,7 triệu USD; tỷ lệ đất lấp đầy theo đăng ký 71%, đã có 45 dự án đi vào hoạt động, với tổng vốn thực hiện 15.779,17 tỷ đồng và 40 triệu USD, giải quyết việc làm cho trên 18.585 lao động; hiện có 12 dự án đang triển khai với số vốn đầu tư đăng ký 46.536,33 tỷ đồng và 628,7 triệu USD; còn 09 dự án chưa triển khai với tổng vốn đầu tư đăng ký 2.684,5 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch với nhiều giải pháp cụ thể chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp. Tuy nhiên, do giá nhiều loại vật tư nguyên, nhiên liệu tăng, chi phí sản xuất còn cao, công nghệ thấp, doanh nghiệp gặp khó khăn về nguồn vốn và ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, trong nước, nên sức cạnh tranh của sản phẩm, kể cả những mặt hàng

đang có sức tiêu thụ khá cũng gặp nhiều khó khăn và thiếu ổn định; tiến độ xây dựng các công trình công nghiệp lớn như giấy, điện... bị chậm lại.

Tổng nguồn lao động của tỉnh đến năm 2015 đạt 585.427 người, lao động trong tuổi độ tuổi lao động 511.331 người. Lao động thực tế làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân 431.339 người. Lao động làm việc trong khu vực I (nông - lâm - thủy sản) chiếm 66% số lao động. Dân số trong tuổi lao động 575.000 người, chiếm 73,7%; dân số ngoài tuổi lao động 205.000 người, chiếm 26,3%.; dân số thành thị 187.640 người, chiếm 24,12%; nông thôn 590.204 người, chiếm 75,88%. Mật độ dân số đạt 485 người/km².

Dân số trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao, tuy nhiên vấn đề việc làm cho người cho người lao động chưa đáp ứng được so với yêu cầu trên thực tế, vấn đề xuất khẩu lao động cũng không tiến triển tốt bởi nguồn thị trường ở nước cần nhiều lao động thì vấn đề an ninh khá phức tạp, người lao động có tâm lý e ngại, còn thị trường tốt thì đòi hỏi trình độ lao động cao hoặc chi phí xuất khẩu cần đầu tư lớn, trong 3 năm trở lại đây, số người xuất khẩu đi lao động nước ngoài chỉ hơn 120 lao động.

Tóm lại, với những khó khăn trong phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh đã ảnh hưởng không nhỏ đến người dân tại địa phương, tình hình thất nghiệp, khó khăn về kinh tế của một bộ phận người dân còn khá nhiều, tập trung vào một bộ phận thanh niên, người dân trong độ tuổi lao động ở nông thôn nên tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến các vi phạm pháp luật nói chung và XPTD nói riêng. Qua nghiên cứu bản án XPTD của các năm từ 2011-2015 cho thấy đa số những người XPTD là những người thất nghiệp hoặc có việc làm nhưng không ổn định [xem bảng 2.2 - phụ lục], các đối tượng này có thời gian rảnh rỗi nhiều, họ dùng thời gian đó để uống rượu bia và các nhu cầu giải trí không lành mạnh, chính điều đó làm phát sinh nhu cầu tình dục không lành mạnh ở một số người.

Bên cạnh đó, sự phát triển về kinh tế, xã hội không đều giữa thành thị và nông thôn đã dẫn đến hệ lụy và sự phân hóa giàu nghèo giữa hai khu vực này lớn, người ở nông thôn có mức sống, thu nhập thấp, không ổn định, gặp khó khăn về phát triển kinh tế. Do gánh nặng về kinh tế nên các bậc cha mẹ chỉ quan tâm làm ăn nhằm kiếm thêm thu nhập mà quên đi việc quan tâm, chăm sóc, gần gũi con cái, để các đối tượng có cơ hội XPTD.

Qua trình bày trên, có thể thấy những ảnh hưởng, tác động tiêu cực do sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là một trong những nguyên nhân và điều kiện của tội XPTD xảy ra. Vì vậy, việc nghiên cứu sự tác động, những khó khăn, hạn chế của sự phát triển kinh tế, xã hội để làm cơ sở đưa ra các giải pháp trước mắt và lâu dài để phòng ngừa hiệu quả loại tội phạm này xảy ra trên địa bàn tỉnh.

2.2.1.4. Nguyên nhân và điều kiện thuộc về công tác tuyên truyền pháp luật.

Nhìn chung, trong những năm qua, các tội XPTD ở tỉnh Hậu Giang ngày một gia tăng có một phần nguyên nhân do công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hoạt động phòng, chống XPTD còn nhiều hạn chế, bất cập. Diễn hình như các nội dung sau:

Một là, hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong cộng đồng, nhất là tuyên truyền pháp luật về phòng, chống XPTD được triển khai còn chậm. Trên địa bàn tỉnh, Hội đồng Phối hợp PBGDPL được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch trung, dài hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thức, nội dung pháp luật trọng tâm cần phổ biến, đánh giá, tổng kết công tác phổ biến giáo dục pháp luật... Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh Hậu Giang có 28 thành viên. Hội đồng của 08 huyện, thị xã, thành phố có 224 thành viên, nhưng hoạt động chưa thực sự hiệu quả, mới tập trung tuyên truyền bộ luật,

luật mới... chưa có 1 chương trình hội nghị chuyên sâu về phổ biến tội phạm nói chung, tội XPTD nói riêng.

Hai là, nội dung công tác tuyên truyền, giáo dục còn chưa phong phú, sinh động, chưa có sự phân loại cho từng đối tượng cụ thể. Nhiều hoạt động còn mang tính chất phổ biến kiến thức chung, chưa có nội dung riêng cho từng nhóm phụ nữ, trẻ em. Các cơ quan chức năng chưa quan tâm đến việc giáo dục kỹ năng sống và kiến thức pháp luật để trẻ em tự biết bảo vệ mình, biết ứng phó với các tình huống thường gặp trong cuộc sống.

Ba là, công tác tuyên truyền chủ yếu bằng hình thức phổ biến văn bản pháp luật trên diện rộng, thông qua các buổi họp dân nên người nghe rất dễ nhàm chán, thêm vào đó là trình độ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp của cán bộ thực hiện công tác tuyên truyền của các ngành, đoàn thể còn hạn chế, chưa có sức hấp dẫn người nghe. Công tác tuyên truyền thường được lồng ghép với các chương trình khác, chưa có kế hoạch tuyên truyền riêng về phòng, chống tội phạm XPTD nên chưa được đầu tư về hình thức cũng như nội dung chưa sâu. Từ đó dẫn tới hiệu quả công tác tuyên truyền không cao, nhận thức của người dân về chống XPTD còn mơ hồ.

2.2.1.5. Nguyên nhân và điều kiện thuộc về công tác quản lý các lĩnh vực có liên quan đến an ninh trật tự.

Internet bắt đầu xuất hiện từ những năm thập niên 60. Tuy nhiên tại thời điểm đó nó chỉ được sử dụng nội bộ và phục vụ chủ yếu cho quân sự. Ngày 19/11/1997 là ngày đầu tiên Việt Nam chính thức hòa vào mạng internet toàn cầu, sau 15 năm hoạt động internet trở thành một thuật ngữ hầu như ai cũng biết, một phương tiện truyền thông ai ai cũng đang sử dụng, thậm chí với một số bộ phận còn phụ thuộc hoàn toàn. Tầm ảnh hưởng của internet phát tán mạnh mẽ khi nó bắt đầu phát huy công dụng giải trí của mình, người ta không chỉ có thể tìm tư liệu mà còn xem phim, nghe nhạc, chơi game trên

mạng. Hàng triệu triệu người vào mạng mỗi ngày, ở nước nào mà chẳng có những quán cà phê internet, nhà nhà nối mạng, người người vào mạng, nhưng số người vào mạng để làm việc, học tập, truy cập tài liệu thì ít mà số người vào mạng để xem phim, chơi game thì nhiều, sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông, mạng internet... làm cho việc tiếp cận các trang mạng có nội dung xấu, nội dung khiêu dâm, bạo lực một cách dễ dàng. Có câu ắt sẽ có cung và cứ như thế ngày càng có nhiều clip sex được tung lên mạng; những nội dung khiêu dâm clip sex tự “sáng tác” liên tục được posts lên mạng và truyền bá đến các “cư dân” mạng đang ở tuổi “teen” bởi các thanh thiếu niên mới lớn. Tất cả những điều đó cho thấy cách sử dụng internet của một bộ phận trong giới trẻ hiện nay đang đi chệch hướng. Theo điều tra mới đây, từ Bộ thông tin và Truyền thông cho thấy, thời gian truy cập Internet được nhiều em học sinh dành để chơi game trực tuyến và lướt web những trang có nội dung không lành mạnh chiếm gần 70% trong tổng số các máy truy cập net ở nước ta. Có thể nói, việc truy cập các trang web đồi trụy là hiện tượng khá phổ biến trong giới học sinh trung học hiện nay. Cũng theo thống kê của Google, Việt Nam đứng đầu trong số những quốc gia có nhiều người đặt lệnh tìm kiếm về tình dục nhất thế giới. Thống kê này cho thấy, một bộ phận người Việt đang sử dụng internet một cách thiếu lành mạnh. Mặc dù, Bộ thông tin và truyền thông đã có những biện pháp ngăn chặn nhưng hiệu quả chưa cao, do lượng thông tin trên mạng internet nhiều, qua nhiều kênh khác nhau nên lực lượng chức năng kiểm soát không hết, nhất là các trang web có hình ảnh, nội dung đồi trụy mà máy chủ chủ yếu được đặt ở nước ngoài nên khi phát hiện rất khó ngăn chặn và xử lý.

Song song với việc tràn lan các trang web có nội dung khiêu dâm thì hoạt động sản xuất, mua bán băng đĩa với nội dung không lành mạnh hiện nay vẫn diễn ra khá phổ biến nhưng công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan chức

năng chưa thường xuyên, kịp thời, hiệu quả chưa cao, vì vậy người dân có thể dễ dàng mua những băng đĩa với nội dung đồi trụy. Sau khi xem xong các phim này, nhiều người bị kích thích nhu cầu sinh lý hoặc trong đầu có những suy nghĩ không lành mạnh về tình dục và họ tìm cách thỏa mãn bằng XPTD một cách bất hợp pháp. Ví dụ như vụ án xảy ra trên địa bàn huyện Phụng Hiệp, vào khoảng 10 giờ ngày 03/4/2011 sau khi xem phim sex, Trần Xuân Nghi (sinh ngày 14/11/1994, địa chỉ ấp Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang) sang nhà hàng xóm chơi, lúc này chỉ có em Trương Hoa (sinh ngày 23/3/2005, cùng ở Long Thạnh) đang ngồi nhặt rau, Nghi ngồi nhặt rau cùng sau đó hôn Hoa và bế Hoa vào trong buồng, thực hiện hành vi giao cấu với Hoa. Thấy con có biểu hiện lạ nên chị Hương (mẹ của Hoa) hỏi và được kể lại sự việc, ngày 4/4/2011, chị Hương tới cơ quan công an trình báo.

Việc phát triển của mạng Internet còn xuất hiện tình trạng làm quen, yêu đương qua mạng xã hội facebook, zalo... có những người sống ảo, yêu thương nhau dù chưa gặp mặt, khi chưa biết lai lịch, tính cách của đối phương như thế nào, một số người hẹn gặp mặt, ở các quán cà phê hay nơi vắng vẻ để nói chuyện, là điều kiện dễ bị XPTD.

Hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện với những đặc thù riêng biệt nên được quy định cụ thể tại Nghị định số 08/2001/NĐ-CP ngày 22/02/2001 của Chính phủ quy định về điều kiện an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 của Bộ Trưởng Bộ Công An quy định cụ thể điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, các chủ cơ sở kinh doanh vì lợi nhuận đã buông lỏng việc quản lý và chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước từ đó tạo môi trường phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Một thực trạng đang diễn ra tại hầu hết các cơ sở kinh doanh đó là tình

trạng sợ mất khách, do vậy khi khách đến thuê phòng các chủ cơ sở đều không kiểm tra, chỉ giữ chứng minh nhân dân của một người trong đoàn và không thực hiện việc khai báo lưu trú với cơ quan chức năng theo quy định. Vì vậy khi xảy ra vụ việc liên quan đến an ninh trật tự đã gây không ít khó khăn cho cơ quan công an trong quá trình điều tra, truy xét... Bên cạnh đó, trong công tác quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự như việc thuê phòng trọ, nhà nghỉ, quán cà phê, karaoke... còn hạn chế, công tác kiểm tra, thanh tra còn mang tính hình thức, qua loa. Từ những sơ hở trong quản lý các dịch vụ ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên đây là điểm đối tượng XPTD thường chọn làm nơi gây án.

Công tác phối hợp với lực lượng tuần tra đảm bảo an ninh trật tự chưa được tiến hành thường xuyên nhất là những nơi vắng vẻ ít người qua lại, nơi các đối tượng lợi dụng sự vắng vẻ, thực hiện hành vi XPTD. Ví dụ như khoảng 22 giờ, ngày 12/2/2012, Thái Hoàng Trọng (Sinh năm 1985, khu vực 7, phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang) dùng xe mô tô chở Thái Minh Lực (sinh năm 1992, ấp Mùa Xuân, xã tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang) lên cầu vượt thuộc xã Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy thì phát hiện có 01 đôi nam nữ là Phạm Quan Đứt và Lương Mỹ Quyền đang ngồi tâm sự trên cầu, Trọng và Lực lại đánh Lút bỏ chạy rồi ôm Quyền lên xe chạy về hướng quản lộ Phụng Hiệp đi Sóc Trăng - Cà Mau, tới ấp Phương An 1, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thấy hai bên đường vắng người, xung quanh có trồng chuối thì Trọng kêu Lực dừng xe, kéo Quyền vào trong vườn nhà dân và Trọng, Lực thực hiện hành vi hiếp dâm Quyền.

Công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân tội XPTD chủ yếu giáo dục về đạo đức, tuyên truyền chung cho tất cả các phạm nhân và chưa có chính sách

hỗ trợ việc làm tái hòa nhập cộng đồng nên tiềm ẩn nguy cơ phạm tội nói chung và phạm tội XPTD nói riêng cao.

2.2.1.6. Nguyên nhân và điều kiện thuộc về công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án tội XPTD

Khi nhận được tin báo, tố giác về tội phạm XPTD, cán bộ tiếp nhận thực hiện theo các thủ tục, trình tự pháp luật quy định, có ghi nội dung vào sổ tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm; lập biên bản thu giữ tài liệu, chứng cứ do người báo tin, cơ quan chuyển giao hồ sơ cung cấp (nếu có), lập biên bản giao nhận hồ sơ cho cán bộ có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, một số cán bộ tiếp nhận tin báo, tố giác còn hạn chế nên nội dung tiếp nhận chưa bảo đảm đầy đủ thông tin về nội dung cũng như thông tin về bị hại, thủ phạm, người báo tin, diễn biến chi tiết vụ việc... nên gây khó khăn cho các biện pháp tiến hành xác minh, điều tra tiếp theo.

Đối với các vụ án XPTD nói chung và XPTD trẻ em nói riêng, đặc biệt là các vụ án XPTD mang tính chất loạn luân giữa những người cùng quan hệ huyết thống, họ hàng thì về mặt tâm lý, người bị hại và gia đình họ càng không muốn xử lý, trừ những trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng hoặc bị người ngoài phát hiện, tố cáo, dẫn đến việc mất hết chứng cứ, dấu vết vật chất, không có căn cứ để xử lý. Do vậy, số vụ án XPTD do các cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý không phản ánh đúng thực tế của loại tội phạm này.

Bên cạnh đó, có một số vụ án XPTD xảy ra, được gia đình trình báo nhưng Cơ quan điều tra không thu thập đủ chứng cứ để khởi tố bị can hoặc tuy Cơ quan điều tra đã khởi tố nhưng Viện kiểm sát phải ra quyết định hủy bỏ vì không đủ căn cứ [xem bảng 2.3 – phụ lục]. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trong đó có nguyên nhân một số cán bộ thực hiện công tác điều tra lấy lời khai bị hại, đối tượng, người làm chứng chưa đảm bảo nội dung, thông tin, đủ độ tin cậy... cụ thể như những trường hợp nêu sự việc

trình báo chậm nên dấu vết, chứng cứ vật chất thu thập được rất hạn chế, không đủ căn cứ để buộc tội; do người thực hiện hành vi phạm tội hoặc người bị hại thay đổi lời khai theo hướng có lợi cho người phạm tội, không hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng; không có người làm chứng. Trong nhiều vụ án không có người làm chứng, không thu được chứng cứ vật chất để giám định ADN, màng trình gân, không rách... mặc dù ban đầu người thực hiện hành vi phạm tội khai nhận hành vi đã thực hiện, phù hợp với lời khai của người bị hại, nhưng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì vì một lý do nào đó (gia đình bị can, bị cáo thỏa thuận bồi thường, đe dọa người bị hại hoặc được hướng dẫn chối tội, tìm nhiều lý do để kéo dài thời gian giải quyết làm nản lòng phía người bị hại theo đuổi vụ án để dễ thỏa hiệp...) mà bị can, bị cáo và cả người bị hại có sự thay đổi lời khai, cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi XPTD đối với người bị hại, những lời khai trong hồ sơ lập trước đó do không được đọc lại, do được Điều tra viên hướng dẫn hoặc ghi không đúng... đã gây rất nhiều khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử chưa thật sự đồng đều, một số cán bộ chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong công tác nên ảnh hưởng đến hiệu quả chất lượng công việc. Công tác phối hợp của ba cơ quan: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân đôi khi còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ từ ban đầu, chưa thống nhất đường lối xử lý, dẫn đến một số vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, vụ việc kéo dài, gây tâm lý hoang mang cho người dân.

Biên chế về lực lượng, cán bộ làm việc trong các cơ quan tư pháp còn thiếu, nhân sự thường xuyên có sự thay đổi do công tác luân chuyển cán bộ và tăng cường cho thẩm quyền cấp huyện nên việc thực hiện các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội XPTD cũng gặp phải khó khăn.

Bên cạnh đó, còn ảnh hưởng bởi các khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của pháp luật: Tại khoản 1 Điều 115 (Tội giao cấu với trẻ em) và khoản 1 Điều 116 (Tội dâm ô đối với trẻ em) BLHS 1999 chỉ quy định “*Người nào đã thành niên*” thực hiện hành vi phạm vào hai tội trên mới bị xử lý hình sự; nếu một người chưa thành niên mà giao cấu với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Đối với những người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có hành vi vi phạm điều luật này thì cơ quan chức năng không xử lý được. Trên thực tế, có rất nhiều trường hợp trẻ em phát triển sớm, bắt chước những hành động yêu đương như trên phim ảnh, thực hiện hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc có hành vi dâm ô tương đối phổ biến. Do luật chưa quy định nên công tác xử lý chưa đảm bảo tính răn đe đối với người thực hiện hành vi này.

2.2.1.7. Nguyên nhân và điều kiện thuộc về nạn nhân

Để phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả đối với loại tội phạm XPTD, đòi hỏi việc phân tích nguyên nhân, điều kiện nảy sinh tội phạm cần phải tiến hành trên nhiều góc độ khác nhau, trong đó không thể bỏ qua việc nghiên cứu yếu tố nạn nhân của loại tội phạm này. Thực tế cho thấy, trong nhiều vụ án đã xảy ra của loại tội phạm này, nạn nhân lại đóng vai trò là một trong những yếu tố trong cơ chế phát sinh tội phạm.

Yếu tố nạn nhân của tội phạm XPTD là những đặc điểm về mặt sinh học, tâm lý, xã hội của nạn nhân, đóng vai trò là nguyên nhân và điều kiện làm nảy sinh hành vi hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu và dâm ô đối với trẻ em... từ chủ thể của tội phạm. Có thể nhận thấy yếu tố nạn nhân của loại tội phạm này thường ở những dạng sau:

+ Đặc điểm sinh học của nạn nhân

Về giới tính, nạn nhân là nữ. Về độ tuổi, nạn nhân dưới 16 tuổi chiếm tỷ lệ đa số trong các vụ án XPTD ở Hậu Giang [xem bảng 2.4 – phụ lục]. Đặc

biệt, trong những năm gần đây, độ tuổi của nạn nhân ngày càng “trẻ hóa”, có những nạn nhân mới 9 tuổi. Với đặc điểm thể trạng là nữ chân yếu tay mềm, cộng thêm yếu tố độ tuổi còn nhỏ chưa hoàn thiện về thể chất nên không có hoặc ít có khả năng phản kháng, chống cự, đối phó khi tội phạm tấn công.

+ Đặc điểm nhận thức, tâm lý của nạn nhân

Với những nạn nhân là trẻ em, do độ tuổi còn nhỏ nên khả năng phát triển về tâm lý, nhận thức còn hạn chế, dễ bị đối tượng phạm tội dụ dỗ, mua chuộc. Nhiều em không biết là mình đang bị xâm hại nên mặc cho hành vi XPTD xảy ra nhiều lần, chỉ cần đối tượng phạm tội cho vài ngàn mua bánh, cho kẹo hay rủ xem phim cùng rồi có hành vi đòi bại. Chỉ đến khi “vô tình” các em kể với người thân hoặc bị phát hiện, hỏi thì các em mới nói. Ngoài ra, những phụ nữ bị tâm thần cũng là đối tượng dễ bị XPTD. Bởi lúc này, nhận thức của họ không như những người bình thường, không phân biệt được ai tốt, ai xấu, dễ bị dụ dỗ...

Khi đã bị xâm phạm rồi, nhiều nạn nhân có tâm lý e ngại, sợ ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bản thân và gia đình hoặc sợ bị đe dọa nên không dám tố cáo với chính quyền địa phương, tổ chức đoàn thể để có biện pháp can thiệp kịp thời mà âm thầm chịu đựng cho đến khi không thể chịu đựng được nữa mới gửi đơn tố cáo hành vi xâm hại tình dục.

+ Lối sống của nạn nhân

Nạn nhân có lối sống không lành mạnh, dễ dãi và buông thả trong các quan hệ khác giới. Đây là hệ quả của việc giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục giới tính ở nhà trường, gia đình và cộng đồng còn chưa đầy đủ và hiệu quả; cũng như do ảnh hưởng của văn hóa phẩm kích động, bạo lực; phim, ảnh khiêu dâm, kích dục trên Internet, cùng với sự yếu kém về tính tự tu dưỡng của bản thân nạn nhân. Một số nạn nhân có lối sống thoáng, coi trọng lợi ích vật chất, coi thường các giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục nên sẵn sàng tự

nguyện trở thành nạn nhân của tội XPTD. Một số nạn nhân thường trốn học, tụ tập đi chơi, uống rượu bia, đi chơi thâu đêm, thậm chí bỏ nhà đi vài ba ngày. Không ít những trường hợp chỉ quen trên mạng, gặp lần đầu nhưng đã “thích” và sẵn sàng quan hệ cùng nhau. Nhiều trường hợp, các em học sinh còn học cấp hai, đã có khái niệm bạn trai, bạn gái, xem như đó là trào lưu, khẳng định phong cách của giới trẻ. Điển hình như vụ án ở Châu Thành, Hậu Giang: khoảng tháng 7/2011, Nguyễn Duy Phương (Sinh năm: 1987 tại Hậu Giang; ĐKTT: ấp Phú Trí A, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) và Dương Hồng Thái lên thành phố Cần Thơ chơi. Sau đó, Phương, Thái và một số người bạn nhậu ở quán (không có tên) phía sau khách sạn Ninh Kiều thuộc phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, khoảng 01 giờ sáng thì Thái điện thoại rủ Nguyễn Ngọc Hiếu Yên (sinh ngày: 22/04/1996; Trú tại: số 115/63/1 đường Cách mạng tháng Tám, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ) đi nhậu, Hiếu Yên đồng ý. Phương dùng xe mô tô biển số 95U1 - 0258 đi rước Hiếu Yên lại sau lưng khách sạn Ninh Kiều nhậu chung với Thái, đến khoảng 03 giờ sáng thì tất cả đi uống cà phê trên đường Ngô Quyền thuộc phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, đến khoảng 03 giờ 30 phút thì Phương, Thái, Hiếu Yên và một số người bạn tiếp tục đi đến ngã ba đường Nguyễn Việt Hồng thuộc phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ để nhậu tiếp, nhậu đến khoảng 04 giờ sáng thì Phương chở Hiếu Yên về nhà đến đoạn đường vắng thuộc Khu vực 3 Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Phương và Hiếu Yên xuống xe đi vào bụi cỏ bên đường ngồi nói chuyện đến khoảng 05 giờ sáng, Phương và Hiếu Yên quan hệ tình dục với nhau, sau đó Phương chở Hiếu Yên về nhà.

Đến ngày 10/01/2012 bà Trần Thị Mai thấy Hiếu Yên có biểu hiện lạ nên đưa Hiếu Yên đi khám, bác sĩ khám và kết luận Hiếu Yên đã mang thai 24 tuần. Ngày 05/5/2012 Hiếu Yên sinh con và đặt tên là Nguyễn Phi Long.

Căn cứ Kết luận giám định số 383/C54B ngày 14/3/2013 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm kết luận: Nguyễn Duy Phương là cha đẻ của bé Nguyễn Phi Long.

+ Môi quan hệ xã hội của nạn nhân

Đa số trong các tội XPTD, nạn nhân và người phạm tội có mối quan hệ quen biết với nhau, nhất là các tội XPTD trẻ em). Mối quan hệ quen biết, gần gũi hay thân tình đã giúp người phạm tội dễ dàng tìm hiểu, nắm bắt tính cách, thói quen sinh hoạt của nạn nhân, gia đình nạn nhân, dễ tiếp cận nạn nhân để XPTD mà không bị phát hiện. Mối quan hệ gần gũi, thân thiết còn làm cho nạn nhân và gia đình của nạn nhân tin tưởng, mất cảnh giác, không đề phòng... tạo điều kiện để đối tượng xấu thực hiện hành vi XPTD.

Ngoài ra các hành vi coi thường bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của mình hoặc người thân (con em...) như thường xuyên đi đêm một mình trên những đoạn đường vắng vẻ, để trẻ em ở nhà một mình, hoặc gửi trẻ cho những thanh niên mới lớn, có biểu hiện đua đòi hư hỏng, hoặc nạn nhân ăn mặc hở hang cũng là những yếu tố thúc đẩy việc phạm tội XPTD xảy ra.

2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc về phía người phạm tội

Qua nghiên cứu các bản án XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, người phạm tội mang những yếu tố sau dẫn đến hành vi phạm tội:

Việc xem xét những yếu tố tiêu cực thuộc về cá nhân người phạm tội XPTD không chỉ nhằm lý giải vì sao cùng trong một môi trường sống nhưng có người phạm tội và có người không phạm tội. Qua đó có những giải pháp

nhằm phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm này. Nguyên nhân và điều kiện thuộc chủ thể người phạm tội được tìm ra dựa trên nghiên cứu các bản án đã tuyên, là những đặc điểm cá nhân người phạm tội có những sai lệch về ý chí, tình cảm, thái độ, niềm tin pháp lý; nhu cầu, sở thích, khuynh hướng giá trị và những sai lệch về cách thức thỏa mãn nhu cầu, lợi ích vật chất của bản thân.

Bản thân người phạm tội đã có sẵn động cơ phạm tội, coi thường nhân phẩm, danh dự của người khác, lối sống trụy lạc, nhu cầu tình dục tầm thường đã thúc đẩy họ phạm tội để thỏa mãn nhu cầu tình dục thấp hèn. Việc thực hiện hành vi phạm tội phụ thuộc vào chính chủ thể của tội phạm, thái độ thiếu tôn trọng pháp luật, đạo đức dẫn đến thái độ coi thường nhân phẩm của người khác, coi thường pháp luật đã hình thành ở họ những nhu cầu thỏa mãn cá nhân trái pháp luật, như trường hợp của Phạm Văn Mướp (60 tuổi, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang) gây chấn động dư luận bởi có hành vi hiếp dâm bé 06 tuổi.

Bên cạnh đó, còn có một số nguyên nhân từ người phạm tội do nhu cầu thỏa mãn sự tò mò. Đặc điểm tâm lý phổ biến của con người trong độ tuổi mới lớn, nhất là ở các em nam. Ở độ tuổi dậy thì, khi cơ thể đang trưởng thành với sự thay đổi lớn, hàng ngày đã thôi thúc các em tìm cách khám phá những hiện tượng, biến đổi xung quanh hay khám phá cơ thể người khác giới... Những tâm lý tò mò, thích khám phá này mà nhiều em nam đã thực hiện hành vi XPTD. Con số 50 bị cáo phạm tội XPTD ở độ tuổi chưa thành niên (dưới 18 tuổi) trong 5 năm từ 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang [xem bảng 2.5 - phụ lục] đã minh chứng cho chúng ta thấy một trong những nguyên nhân gây ra là do thỏa mãn sự tò mò, muốn khám phá những thay đổi của người phạm tội.

Một số người nhận thức được hành vi XPTD là vi phạm đạo đức, trái pháp luật nhưng chưa nhận thức được tính nghiêm trọng của tội phạm gây ra

và mức hình phạt của nó. Các chủ thể này trong tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang chiếm đa số, từ đó việc phát sinh tội phạm này mang tính bộc phát, khi có tình huống nhất định thì mới thực hiện hành vi chứ không có sự suy tính hay ý định phạm tội trước đó. Cũng do nhận thức pháp luật kém, nhiều người nghĩ mình không phạm tội bởi có quan hệ “yêu đương” với nạn nhân, họ cứ nghĩ cả hai cũng có tình cảm và tự nguyện thực hiện hành vi thì không phạm tội [xem bảng 2.6 - phụ lục]. Ví dụ như - Vào cuối tháng 12/2011, Trịnh Xuân Phương (21 tuổi, làm thuê) và Nguyễn Thị Hà (11 tuổi) quen biết và nảy sinh tình cảm yêu thương nhau. Đến ngày 24/4/2012, cả hai quan hệ tình dục tại phòng trọ của Phương tại huyện Châu Thành, sau đó 03 ngày thì rủ nhau bỏ trốn đi Sài Gòn tìm việc làm và quan hệ tình dục nhiều lần. Hai gia đình đi tìm, phát hiện Phương và Hà thuê phòng trọ ở quận Phú Nhuận vào ngày 09/5/2012. Cháu Hà cho biết đã quan hệ tình dục với Phương nhiều lần nên gia đình trình báo Cơ quan Công an.

Lối sống buông thả, thường xuyên rượu chè, tụ tập bạn bè xấu, chơi bời thâu đêm, suốt sáng cũng là một trong những nguyên nhân gây nên tội phạm XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong những năm gần đây. Nghiên cứu bản án XPTD đã xét xử thì có vụ với bị cáo phạm tội sau khi sử dụng rượu bia.

Ngoài ra, còn do người phạm tội có những sở thích và nhu cầu bệnh hoạn, lệch lạc khác như: thích xem phim sex, đọc truyện sex...Chính những tâm lý lệch chuẩn này đã tác động kích thích ham muốn dục vọng bất chính hình thành động cơ tư tưởng, chi phối, lấn áp các nhu cầu chính đáng khác.

2.3. Thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang của các chủ thể phòng, chống tình hình các tội này trên địa bàn nói trên

Đấu tranh chống tội XPTD là hoạt động thường xuyên và là nhiệm vụ chung của mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, chủ thể có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là các cơ quan bảo vệ pháp luật Công an, Viện kiểm sát, Tòa án. Chất lượng hoạt động của các cơ quan này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả trấn áp tội phạm XPTD. Thực tế hiện nay cho thấy kết quả hoạt động trấn áp tội phạm XPTD của các chủ thể này vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Cụ thể như:

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với các cơ quan Nhà nước khác. Chế độ trao đổi thông tin tội phạm hàng tháng, quý giữa các cơ quan với nhau chưa được thường xuyên, chưa có sự tổng kết để tìm ra nguyên nhân, điều kiện nhằm đưa ra biện pháp đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Còn hạn chế trong phát hiện tội phạm xâm phạm tình dục Các cơ quan này thiếu sự chủ động, tích cực phát hiện tội phạm. Trong 155 vụ án XPTD đã nghiên cứu cho thấy đa số các vụ phạm tội được phát hiện do nạn nhân, gia đình nạn nhân trình báo. Số việc được phát hiện nhờ vào hoạt động trinh sát, nghiệp vụ hay thể hiện vai trò của cơ quan chức năng trong việc chủ động tìm kiếm thông tin chỉ có 05 vụ (chiếm 3,2%).

Trong số 155 vụ án có 20 vụ án XPTD mà người phạm tội chỉ thực hiện hành vi XPTD một lần và bị phát hiện, chiếm số 12,9% vụ. Số vụ còn lại là 135 vụ (chiếm 87,1%) chỉ được phát hiện sau khi người phạm tội đã thực hiện HVPT từ lần hai trở lên.

Từ những con số trên cho thấy sự bị động của các cơ quan chức năng trong việc phát hiện tội phạm XPTD. Việc phát hiện tội phạm chậm trễ, không kịp thời sẽ có những tác động xấu đến tình hình các tội XPTD, tạo cơ hội cho họ thực hiện hành vi phạm tội mới.

Đối với lực lượng CQĐT: Điều tra tội phạm XPTD là quá trình thực hiện đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ của ngành Công an, như: tiếp nhận, xử lý thông tin, điều tra tại hiện trường, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ chuyên ngành để nhanh chóng làm rõ hành vi phạm tội. Tuy nhiên việc tiếp nhận xử lý thông tin có liên quan đến hành XPTD chưa được chú trọng, lúng túng. Các mô hình như tổ tự quản, hòm thư tố giác tội phạm được bố trí nhiều nhưng còn mang tính hình thức, chưa thật sự phát huy hiệu quả.

Đối với cơ quan VKSND: VKSND có rất nhiều điều kiện để làm tốt công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, như kịp thời phát hiện những bất cập, những sơ hở trong pháp luật và trong việc thực thi pháp luật của các ngành, các cấp, những sơ hở trong quản lý nhà nước, của nhân dân, từ đó chủ động tham mưu cho Đảng và chính quyền trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm XPTD nói riêng. Viện kiểm sát chưa có những tổng kết thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm từ những vụ việc cụ thể để làm tốt hơn vai trò của mình.

Đối với TAND: Do vụ án XPTD mang tính chất nhạy cảm nên việc xét xử công khai nhằm tuyên truyền, giáo dục pháp luật còn hạn chế. Đội ngũ thẩm phán có chất lượng không đồng đều, khi xét xử còn tùy tiện trong việc áp dụng mức phạt, chưa thấu tình đạt lý, áp dụng pháp luật còn máy móc. Lực lượng hội thẩm nhân dân chủ yếu là những cán bộ về hưu, trình độ pháp luật còn hạn chế, không chủ động nghiên cứu hồ sơ cũng như bảo vệ ý kiến quan điểm của mình khi xét xử, qua trình xét xử còn phụ thuộc thẩm phán - chủ tọa phiên tòa.

Kết luận chương 2

Trong Chương 2, người viết đã trình bày thực trạng nhận thức nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD, tìm ra các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội phạm này và thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang của các chủ thể phòng, chống tình hình các tội này. Qua nghiên cứu những nội dung trên cho thấy:

- Nhận thức của mọi người về nguyên nhân và điều kiện của các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã có nét sơ bộ, đa số mọi người cho rằng nguyên nhân và điều kiện thuộc về người phạm tội (nhu cầu tình dục thấp hèn, trình độ học vấn thấp...), do nạn nhân có lối sống buông thả... tuy nhiên mọi người vẫn chưa nắm đầy đủ, toàn diện một số nguyên nhân khác có vai trò không nhỏ dẫn tới tình hình các tội XPTD như nguyên nhân giáo dục, kinh tế - xã hội, văn hóa...

- Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là do: nguyên nhân và điều kiện thuộc về môi trường sống như yếu tố thuộc phạm vi gia đình, nhà trường, bên cạnh đó các yếu tố tiêu cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội khiến một bộ không nhỏ người dân gặp khó khăn, thất nghiệp; công tác tuyên truyền pháp luật chưa đạt hiệu quả, quản lý các lĩnh vực có liên quan đến an ninh trật tự còn lỏng lẻo, tạo điều kiện cho loại tội phạm này phát sinh; những hạn chế trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án tội XPTD như trình độ chuyên môn, sự phối hợp giữa các cơ quan này vẫn còn một số hạn chế. Một số vụ án XPTD có nguyên nhân và điều kiện không nhỏ thuộc về nạn nhân như sống buông thả, nhận thức kém...; cùng với những yếu tố thuộc về môi trường sống thì yếu tố người phạm tội (thái độ bất chấp pháp luật, coi thường nhân phẩm người khác, trình độ học vấn thấp, có sở thích lệch lạc, bệnh hoạn) cũng là

nguyên nhân và điều kiện chủ quan dẫn tới tình hình tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cho thấy chưa đạt kết quả cao bởi còn tồn tại một số hạn chế nhất định của các chủ thể phòng chống loại tội phạm này.

Chương 3

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM TÌNH DỤC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI NÀY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

3.1. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và vấn đề tăng cường nhận thức về chúng

Thực trạng nhận thức về nguyên nhân và điều kiện các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang còn có nhiều bất cập, chưa hoàn thiện, điều đó ảnh hưởng tới vấn đề phòng ngừa nhóm tội này. Vì vậy, cần đặt ra nhiệm vụ tăng cường nhận thức của mọi người về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD để góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng chống nhóm tội phạm này.

Một là, Hội đồng Phối hợp PBGDPL trong tỉnh cần phối hợp với các ban ngành, tổ chức như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên... xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch phổ biến nguyên nhân và điều kiện tội phạm XPTD. Có sự phối hợp chặt chẽ, trình tự...

Hai là, cần đa dạng hoạt động tuyên truyền cả về nội dung và hình thức. Các hoạt động tuyên truyền dưới nhiều hình thức như Hội nghị, ngày pháp luật trong các cơ quan, tổ chức; cuộc thi tìm hiểu về chủ đề tội XPTD, tuyên truyền thông qua các cuộc tọa đàm, hội họp..., trên các phương tiện truyền thông như báo, đài truyền thanh... để người dân trên toàn tỉnh hiểu và biết rõ hơn, đầy đủ hơn về nguyên nhân và điều kiện các tội XPTD, nhằm có ý thức bảo vệ chính bản thân mình và người thân khỏi loại tội phạm này.

Ba là, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ trong các cơ quan bảo vệ pháp luật. Phân công cán bộ tham gia các lớp tập huấn, tổng kết rút kinh nghiệm, kịp thời tiếp thu những kiến thức pháp luật mới, những

phương thức thủ đoạn phạm tội mới cũng như những nguyên nhân, điều kiện tội XPTD; đồng thời xây dựng các chuyên đề cũng như thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về nguyên nhân và điều kiện của tội XPTD, từ đó tham mưu xây dựng những đề án trong công tác phòng ngừa, đấu tranh loại bỏ chúng.

3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục và vấn đề dự báo tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

3.2.1. Cơ sở dự báo

Dự báo tình hình tội phạm là một phần, một bộ phận của dự báo xã hội, vì bản chất của tội phạm là một hiện tượng xã hội [40, trang.183].

Dự báo tình hình tội phạm XPTD là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất của tình hình tội phạm XPTD có thể xảy ra trong tương lai, trên cơ sở đó xác định ra các phương án tối ưu, hiệu quả, phù hợp với thực tế, giảm những chi phí về vật chất, thời gian cũng như sức người để thực hiện, đạt được các mục tiêu đề ra trong công tác phòng, chống tội phạm này.

Hoạt động dự báo tình hình tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới được xác lập trên cơ sở khoa học đó là: Số liệu về tình hình tội XPTD từ năm 2011 đến năm 2015; những tài liệu về hiện tượng kinh tế - xã hội tiêu cực đã, đang và sẽ tác động đến tình hình tội này; kết quả nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội XPTD; hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của hệ thống tư pháp hình sự. Đặc biệt, phải hiểu rõ rằng tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội XPTD đều là hiện tượng xã hội vì nó tồn tại trong xã hội, có nguồn gốc xã hội, có nội dung xã hội và số phận của nó cũng mang tính xã hội. Vì vậy, dự báo tình hình tội XPTD phải đặt trong sự biến đổi của các điều kiện kinh tế - xã hội của địa bàn tỉnh Hậu Giang ở từng giai đoạn tương ứng.

3.2.2. Nội dung dự báo

Trên cơ sở phân tích, nghiên cứu nguyên nhân, điều kiện phạm tội, cũng như kết quả của hoạt động đấu tranh phòng, chống các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian từ năm 2011 - 2015 có thể đưa ra dự báo tình hình tội phạm này tại địa phương trong thời gian tới như sau:

- *Diễn biến và tính chất*: Tuy số lượng các tội XPTD không nhiều như các loại tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích, lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... nhưng số lượng tội XPTD sẽ gia tăng, nhất là tội hiếp dâm trẻ em và giao cấu với trẻ em. Bên cạnh việc gia tăng về số lượng, tính chất của các tội XPTD cũng nghiêm trọng hơn, có thể đi kèm với các tội khác như giết người, cướp tài sản..., phương thức, thủ đoạn phạm tội càng tinh vi, xảo quyệt.

- *Về chủ thể thực hiện tội phạm*: Dự báo chủ yếu là những người đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và một số ít các trường hợp người ở các tỉnh lân cận quen biết với nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân. Các đối tượng này tập trung chủ yếu ở độ tuổi 18 tuổi đến 30 tuổi và vẫn tập trung vào những người không có nghề nghiệp ổn định hoặc trình độ văn hóa thấp, có nhu cầu lệch lạc về nhu cầu tình dục, hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt...

- *Về thủ đoạn thực hiện*: Đối tượng phạm tội dụng tình cảm để dụ dỗ, lừa gạt nạn nhân hoặc dùng lợi ích vật chất như tiền, quà để đưa nạn nhân tới các địa điểm như nhà nghỉ, khách sạn cà phê sân vườn, những nơi vắng vẻ ít người qua lại, thậm chí là tại nhà (nhà trọ) của nạn nhân trong trường hợp nạn nhân là trẻ em. Một số trường hợp, đối tượng có dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác làm tê liệt sự kháng cự của nạn nhân để thực hiện hành vi XPTD.

- *Về địa bàn gây án*: Tất cả 08 đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh Hậu Giang đều có thể xảy ra tội phạm XPTD. Hai huyện có sự gia tăng về tội phạm này là huyện Long Mỹ (đây là huyện mới tách, kinh tế - xã hội còn gặp

rất nhiều khó khăn, số người thất nghiệp cao, dễ phát sinh tội phạm nói chung và tội phạm XPTD nói riêng) và huyện Phụng Hiệp (trong các năm gần đây, địa bàn Phụng Hiệp có nhiều thành phần phức tạp, an ninh không ổn định, mặc dù được các ban ngành quan tâm nhưng đây vẫn là đơn vị có số vụ XPTD nhiều nhất trong tỉnh). Đối với thành phố Vị Thanh và huyện Châu Thành, dự báo sẽ xuất hiện tội mua dâm người chưa thành niên. Việc mua bán dâm ở thành phố Vị Thanh có thể thực hiện ngay tại thành phố, còn huyện Châu Thành, thì có sự móc nối với các đối tượng ở thành phố Cần Thơ, bởi Châu Thành giáp với Cần Thơ, nơi đây có nhiều nhà hàng, quán karaoke, massage trá hình, thuận lợi cho việc mua bán dâm...

- *Về nạn nhân*: Độ tuổi từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi vẫn chiếm chủ yếu, bởi vì số này có điều kiện tiếp xúc với nhiều loại hình internet, mạng xã hội như facebook, zalo, vaiber... nên dễ làm quen, bị lôi kéo, dụ dỗ, tạo điều kiện để phần tử xấu thực hiện hành vi XPTD. Tuổi của nạn nhân dưới 09 tuổi có xu hướng tăng, tập trung ở những gia đình có kinh tế khó khăn, cha mẹ không có thời gian quan tâm, chăm sóc.

3.3. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và vấn đề về các giải pháp phòng ngừa tội phạm

Từ thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015, tác giả đưa ra một số giải pháp để phòng ngừa, ngăn chặn loại tội phạm này như sau:

3.3.1. Giải pháp phòng ngừa xâm phạm tình dục

- Đối với gia đình: để góp phần phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi XPTD, gia đình phải giữ vai trò nòng cốt. Vì vậy trước hết các thành viên trong gia đình cần có trách nhiệm xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, ông bà, cha mẹ phải mẫu mực, là tấm gương cho con cái noi theo. Trong gia

đình, việc va chạm, mâu thuẫn hay bất đồng ý kiến là điều không thể tránh khỏi. Để tránh nguy cơ rạn nứt, đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết điều tiết cảm xúc của mình, không xúc phạm lẫn nhau khiến thành viên nói chung, con cái nói riêng có tâm lý tự ti, chán nản. Khuyến khích các gia đình dành thời gian sum họp bên nhau, nhất là buổi tối sau một ngày cha mẹ làm việc vất vả, con cái đi học về... cùng nhau nói chuyện, trao đổi hay tâm sự, giúp các thành viên hiểu nhau hơn và gắn kết với nhau. Thông qua những buổi sum họp đó, cha mẹ hiểu được tâm tư của con, nắm bắt được sự thay đổi, phát triển về tâm- sinh lý nhằm đưa ra phương pháp giáo dục phù hợp. Như giải thích làm sáng tỏ những vướng mắc của con trong cuộc sống hàng ngày, nhất là vấn đề giới tính, thay đổi tâm sinh lý ở lứa tuổi dậy thì, định hướng cho con biết về tình bạn, tình yêu và những giá trị nhân phẩm, đạo đức của người phụ nữ Á Đông nói chung, phụ nữ Việt Nam nói riêng... Trong sinh hoạt vợ chồng riêng tư, cha mẹ cũng không nên để con nhìn thấy và phải tách con ra từ từ, không nên cho trẻ ngủ với cha mẹ quá lâu, không nên để trẻ tiếp xúc với những clip sex trên mạng và từ môi trường xung quanh.

Gia đình nên tìm ra những ưu điểm hay năng khiếu của con cái để khuyến khích, tạo điều kiện cho các em phát huy sở trường của mình, giúp các em tự tin về bản thân, vui vẻ hòa nhập với mọi người, như tham gia học võ cổ truyền, karate... vừa rèn luyện sức khỏe, vừa có khả năng tự vệ cho bản thân, tham gia đội văn nghệ của trường, lớp... cha mẹ hướng con chơi với bạn bè tốt, ngoan cùng giúp đỡ nhau trong học tập... Thường xuyên kiểm tra điện thoại của con hay tìm hiểu các mối quan hệ của con để kịp thời phát hiện những mối nguy hại xung quanh.

Mỗi gia đình cần xây dựng cửa ngõ, hàng rào vững chắc không những bảo vệ tài sản của họ mà còn bảo vệ con cái bị đối tượng xấu đột nhập vào khi

cha mẹ không có nhà, không gửi con cho các đối tượng nam nếu không có mối quan hệ họ hàng thân thiết và tư cách đạo đức tốt.

Ngoài ra, cha mẹ cần xây dựng cho con cái kỹ năng xử lý tình huống tránh không bị XPTD như không đi chơi khuya, không đi theo những người lạ nhất là đàn ông, không cho bất kỳ ai vào nhà khi chỉ có một mình ở nhà kể cả hàng xóm, người quen biết..., khi có ai gạ gẫm, đụng chạm vào những nơi nhạy cảm của các em thì kể cho cha mẹ biết...

- Đối với nhà trường: Bộ giáo dục và đào tạo nên đưa chương trình giáo dục giới tính vào đào tạo chính khóa, để học sinh có nhận thức đúng đắn về sức khỏe giới tính, tình dục, không có tâm lý tò thích tìm hiểu, khám phá. Nhà trường có những lớp tập huấn cho giáo viên kỹ năng giảng dạy về giới tính, thông qua các môn sinh học, giáo viên có hướng dẫn, giảng dạy cụ thể... Mỗi trường học cần xây dựng sân chơi cho các em trong giờ giải lao như khu đánh cầu lông, đá bóng, đá cầu, có thư viện sách với nhiều đầu sách hay thu hút các em. Hàng tháng, có những buổi lao động tập thể vừa xây dựng trường xanh - sạch - đẹp, vừa tạo cho các em có cơ hội luyện tập, rèn luyện sức khỏe, tinh thần sảng khoái sau những giờ học căng thẳng. Bên cạnh đó nhà trường cần:

Giáo dục các em học sinh tập trung học tập không được quan hệ chơi bời với những người có lối sống không lành mạnh, bỏ học la cà, tụ tập bạn bè xấu lại những điểm ăn chơi, không uống rượu bia, không vào các tiệm internet chơi game... không yêu đương trong độ tuổi quá sớm.

Khi phát hiện hành vi XPTD, các học sinh bằng mọi cách phải ngăn chặn ngay, như kêu gọi những người xung quanh cứu giúp, gọi cho số của công an trên địa bàn hoặc cơ quan, tổ chức nào mà các em biết...

Khi phát hiện những người đã thành niên yêu đương, tán tỉnh học sinh cùng trường thì các em nên khuyên bạn của mình cảnh giác, không yêu sớm,

tập trung học tập... và báo cáo với thầy, cô để thầy cô lưu ý, tế nhị khuyên can những trường hợp này.

3.3.2. Giải pháp về kinh tế- xã hội

Cần tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế và giải quyết tốt tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm cho người lao động. Cụ thể:

Cấp ủy Đảng, chính quyền, tăng cường chỉ đạo, điều hành, tập trung các biện pháp triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang 05 năm 2016 - 2020 (*Ban hành kèm theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Hậu Giang*) nhằm phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn đưa Hậu Giang phát triển nhanh và bền vững hơn cùng với các tỉnh, thành trong vùng và cả nước thực hiện mục tiêu xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững; đẩy nhanh thực hiện tái cơ cấu kinh tế, trong đó tập trung cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhất là các cây, con thế mạnh của tỉnh; đẩy nhanh và phát huy Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại. Phát triển kinh tế Hậu Giang phải phù hợp với đặc điểm tự nhiên, đặc điểm dân cư, từng bước điều chỉnh tạo sự phát triển hài hoà, hợp lý giữa các vùng trong tỉnh, thu hẹp dần về khoảng cách và mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn. Bên cạnh đó khai thác hiệu quả thế mạnh và tiềm năng về nông nghiệp, tạo bước đột phá về công nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ; cải thiện môi trường đầu tư. Phát triển có trọng tâm trọng điểm vào các khu vực có thể tạo ra sự đột phá và phát triển nhanh như các khu, cụm công nghiệp tập trung, các đô thị trọng điểm, lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đồng thời xây dựng nền văn hóa và con người Hậu Giang đáp ứng yêu cầu

hội nhập và phát triển bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Các nhiệm vụ cụ thể cần làm như:

Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng giá trị gia tăng trên các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Chọn loại nông sản có lợi thế cạnh tranh, phù hợp với kiện đất đai, thổ nhưỡng của Hậu Giang, quy hoạch thành các vùng sản xuất hàng hóa lớn tập trung, như: Lúa, mía, cây có múi, dứa, xoài, thủy đặc sản xuất khẩu... Tập trung thực hiện đề án cơ giới hóa, điện khí hóa thủy lợi tưới tiêu để tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.

Phối hợp các cấp, các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình 04 về phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, Đề án cơ giới hóa, Đề án 1000, Đề án nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác xã... Thường xuyên sơ kết, tổng kết để nhân rộng những mô hình có hiệu quả

Tăng cường kiểm tra giám sát chất lượng cây con giống, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật... tạo điều kiện để bà con nông dân yên tâm sản xuất. Đồng thời, giám sát chặt chẽ đầu ra sản phẩm, nhất là bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm

Huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; gắn xây dựng nông thôn mới với xây dựng cánh đồng lớn và nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã; phát huy hiệu quả của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và Quỹ hỗ trợ nông dân. Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn có hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, đặc biệt là chính sách hỗ trợ về thuế, đất đai, nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hạ giá thành và tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ ODA để đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị thành phố Vị Thanh, thị xã Ngã Bảy, huyện Long Mỹ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, trong đó chú ý thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư; thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư để có những giải pháp kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhằm tiếp tục nâng cao chỉ số PCI của tỉnh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Kiên quyết thu hồi những dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả. Tạo mọi điều kiện thông thoáng để thu hút đầu tư các dự án nước ngoài từ các nước Hàn Quốc, Nhật Bản...

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, duy trì bền vững thị trường trong nước; tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, đa dạng hoá sản phẩm mang đậm bản sắc văn hóa của tỉnh.

Tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương; sự hợp tác, liên kết, giúp đỡ của các tỉnh, thành phố bạn trong cả nước, cộng đồng doanh nghiệp, nhà khoa học. Tích cực tham gia thực hiện liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long và tăng cường hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Rà soát việc thực hiện Chương trình đào tạo nguồn nhân lực và Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, giải pháp và cơ chế đột phá để thực hiện; tranh thủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài của Trung ương để cử cán bộ tham gia; quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ, công chức đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiếp tục triển khai Chương trình 141a của Tỉnh ủy về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH. Triển khai Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Hậu

Giang giai đoạn 2012 - 2015 và tầm nhìn đến 2020”, trong đó tập trung đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào nông nghiệp, góp phần giảm chi phí đầu vào, tăng hàm lượng khoa học trong sản phẩm và hình thành chuỗi giá trị, bảo đảm hài hòa lợi ích từ nuôi trồng, chế biến đến tiêu thụ nông sản với các hình thức hợp tác, liên kết phù hợp.

Quản lý chặt chẽ thu chi ngân sách Nhà nước, tăng cường huy động vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển các tổ chức tín dụng trên địa bàn ổn định, hiệu quả, bền vững trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế kinh tế, xã hội ở địa phương. Khai thác có hiệu quả các nguồn vốn huy động trong nhân dân.

Duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương và định hướng của Trung ương, giám sát, điều hành các tổ chức tín dụng hoạt động ổn định, nâng cao chất lượng tín dụng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, người vay vốn tiếp cận nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, từng bước tháo gỡ khó khăn, bảo đảm nợ xấu ở mức quy định.

Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, khuyến khích công tác xã hội hóa các lĩnh vực: giao thông, y tế, giáo dục, môi trường, văn hóa - thể thao, chợ.... Thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của tư nhân, doanh nghiệp trong nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thực hiện hiệu quả các chương trình dạy nghề, giải quyết việc làm, nhất là cho thanh niên, lao động nông thôn và sinh viên mới tốt nghiệp. Có biện pháp phù hợp để giữ và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc đóng bảo hiểm xã hội và bảo đảm an toàn cho người lao động. Thúc đẩy phát triển nhà ở và các công trình phúc lợi xã hội cho người lao động tại các khu công nghiệp tập trung. Nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở đào tạo, trung tâm dạy nghề và trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Đổi mới trong công tác giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng cường đối thoại với hộ nghèo, có chính sách để giảm nghèo nhanh đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội và “Đền ơn - đáp nghĩa”. Tăng nhanh tỷ lệ dân số được tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.3.3. Giải pháp về công tác tuyên truyền pháp luật

Để đảm bảo nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền pháp luật của các ngành, đoàn thể có liên quan cần thực hiện tốt những vấn đề sau:

- Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành kế hoạch phòng chống tội XPTD trên địa bàn tỉnh.

- Các tổ chức tuyên truyền nên đa dạng hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống XPTD như: Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác PBGDPL thông qua các hình thức cụ thể như: Phổ biến về tội XPTD thông qua: nói chuyện chuyên đề pháp luật; tập huấn; các buổi sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động, đăng tải trên Công báo, đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; Tăng cường phổ biến phòng chống XPTD qua hình thức báo viết, báo điện tử, các chuyên trang, chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang, Báo Hậu Giang và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Chú trọng sử dụng có hiệu quả hệ thống loa truyền thanh cơ sở trong việc phổ biến thông tin pháp luật.

Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang, Báo Hậu Giang đa dạng hóa các hình thức PBGDPL để phổ biến các quy định của pháp luật, tình hình thi hành pháp luật và thông tin khác về pháp

luật. Tiếp tục củng cố, phát huy hiệu quả tối đa hệ thống phát thanh ở cơ sở; quan tâm đầu tư trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật.

- Bên cạnh việc đổi mới, đa dạng về hình thức thì nội dung của công tác tuyên truyền cũng cần được đổi mới cho phù hợp hơn, vừa thiết thực, vừa gần gũi với đời sống hàng ngày của nhân dân. Các nội dung tuyên truyền giáo dục về phòng ngừa XPTD cần phù hợp với từng nhóm đối tượng, lứa tuổi. Khi biên soạn các nội dung tuyên truyền nâng cao hiểu biết pháp luật về XPTD cần phải đơn giản, dễ hiểu nhưng vẫn bảo đảm mọi người hiểu đúng, hiểu rõ.

- Xây dựng, củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ nòng cốt làm công tác PBGDPL có kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ và chuyên sâu theo từng lĩnh vực pháp luật ở các cấp, các ngành. Thường xuyên rà soát, đánh giá thực trạng và xây dựng kế hoạch đảm bảo đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL hàng năm cho báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và cán bộ làm công tác PBGDPL. Không ngừng nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ công chức tư pháp đáp ứng các yêu cầu quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật từ tỉnh đến cơ sở theo Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2013/TT-BTP ngày 18/12/2013 của Bộ Tư pháp. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ chức tham gia PBGDPL tại cơ sở; tổ chức bồi dưỡng, đào tạo về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ này. Huy động các luật sư, luật gia, thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, trợ giúp viên pháp lý và những người làm công tác pháp luật khác tham gia công tác PBGDPL.

3.3.4. Giải pháp về công tác quản lý các lĩnh vực có liên quan đến an ninh trật tự

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực có liên quan đến an ninh trật tự, tổ chức phối hợp các lực lượng thuộc các ngành, đoàn thể liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự như nhà nghỉ, khách sạn, cơ sở massage, karaoke... Phát động toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm, vận động các chủ cơ sở kinh doanh nêu trên nghiêm chỉnh thực hiện những nội dung đã cam kết về an ninh trật tự.

- Các đơn vị nghiệp vụ Cảnh sát, Công an cấp cơ sở thực hiện tốt công tác nắm tình hình, nắm chắc đối tượng có khả năng, điều kiện phạm tội và mắc tệ nạn xã hội để tham mưu cho chính quyền cấp cơ sở phân công cho các ngành, đoàn thể quản lý, giáo dục. Thực hiện tốt công tác quản lý hộ khẩu, kiểm tra, nhắc nhở các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, hộ gia đình thực hiện nghiêm việc khai báo tạm trú theo quy định.

- Sở thông tin và truyền thông phối hợp với ngành công an tỉnh Hậu Giang tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định kinh doanh của các cơ sở kinh doanh internet, phát hiện, xử lý các trường hợp lập trang web, phát tán, chia sẻ phim ảnh, bài viết có nội dung khiêu dâm, kích dục.

- Tăng cường công tác tuần tra, đảm bảo an ninh trật tự, nhất là ở các tuyến đường hẻm lách. Giải tán các nhóm tụ tập đêm khuya gây mất an ninh trật tự hoặc những nơi mà các đôi nam nữ hay hẹn hò trò chuyện tâm sự ở nơi vắng vẻ (ví dụ cần tăng cường tuần tra ở công viên Chiến Thắng thuộc thành phố Vị Thanh bởi đây là nơi tụ tập của nhiều nhóm thanh niên tổ chức “bốc đầu xe”, nhậu nhẹt, hay các đôi nam nữ ngồi tâm sự vì khá xa so với trung tâm thành phố, thiếu đèn điện... có nguy cơ ảnh hưởng an ninh trật tự, đe dọa xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật nói chung, XPTD nói riêng).

3.3.5. Giải pháp về công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án tội phạm xâm phạm tình dục

- Trước hết, cần nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm, tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu cho cán bộ, công chức làm công tác này. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, bố trí cán bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm XPTD. Cần lựa chọn những người có tiêu chuẩn kiến thức pháp luật, tâm lý (đối với cán bộ điều tra), luân chuyển cán bộ không đủ năng lực làm công tác khác. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ về phòng chống tội XPTD. Bên cạnh đó, các CQĐT, VKSND, TAND cần có sự phối hợp chặt chẽ nhằm nâng cao kết quả cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình trong đấu tranh chống loại tội phạm này

- Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng của công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm XPTD nhằm đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và phù hợp với tình hình hiện nay thì pháp luật hình sự cần mở rộng thêm chủ thể của hành vi giao cấu với trẻ em và dâm ô với trẻ em là người có độ tuổi từ 16 tuổi trở lên.

Kết luận chương 3

Trong Chương 3 tác giả đã trình bày việc tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD; từ những nguyên nhân và điều kiện đã phân tích trước đó mà đưa ra dự báo tình hình tội XPTD, qua đó đưa ra một số giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong những năm tới.

- Để nâng cao nhận thức của mọi người về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm XPTD cần phải đa dạng hóa nội dung và hình thức của

hoạt động phổ biến, tuyên truyền pháp luật về XPTD, nâng cao trình độ của các cán bộ làm công tác này.

- Dự báo trong thời gian tới tình hình XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang vẫn tăng nhất là tội hiếp dâm trẻ em và giao cấu với trẻ em. Bên cạnh việc gia tăng về số lượng, tính chất của các tội XPTD cũng nghiêm trọng hơn, có thể đi kèm với các tội khác như giết người, cướp tài sản..., phương thức, thủ đoạn phạm tội càng tinh vi, xảo quyệt. Dự báo đối tượng thực hiện hành vi phạm tội chủ yếu có độ tuổi từ 18 đến 30 đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và một số ít các trường hợp người ở các tỉnh lân cận quen biết với nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân. Thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội là dùng tình cảm để dụ dỗ, lừa gạt nạn nhân hoặc dùng lợi ích vật chất như tiền, quà, một số trường hợp, đối tượng có dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác làm tê liệt sự kháng cự của nạn nhân để thực hiện hành vi XPTD. Về địa bàn gây án có thể xảy ra trên địa bàn toàn tỉnh, tuy nhiên gia tăng nhiều ở huyện Long Mỹ và huyện Phụng Hiệp; đối với thành phố Vị Thanh và huyện Châu Thành, dự báo sẽ xuất hiện tội mua dâm người chưa thành niên. Nạn nhân có độ tuổi từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi vẫn chiếm chủ yếu và nạn nhân dưới 9 tuổi có xu hướng tăng, tập trung ở những gia đình có kinh tế khó khăn, cha mẹ không có thời gian quan tâm, chăm sóc.

- Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động phòng ngừa các tội XPTD cần thực hiện các những giải pháp riêng cho từng lĩnh vực, có sự tham gia của các ngành, đoàn thể các cấp, gia đình, trường học... Từ đó loại bỏ những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội XPTD, góp phần đảm bảo tốt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

KẾT LUẬN

Với sự nỗ lực chung tay xây dựng tỉnh nhà của các cấp, chính quyền và nhân dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, đã đạt được nhiều bước tiến đáng kể, tuy nhiên bên cạnh đó, tình hình tội phạm nói chung và tội phạm XPTD nói riêng vẫn là vấn đề nhức nhối, đáng báo động. Hậu quả của nhóm tội phạm này vô cùng nặng nề, gây hoang mang cho người dân sinh sống tại nơi đây. Vì vậy, việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD là việc làm cần thiết, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp phòng, chống hiệu quả.

Qua khảo sát tình hình thực tế và nghiên cứu 155 bản án cũng như các số liệu báo cáo của cơ quan tư pháp nói riêng, cơ quan, tổ chức khác nói chung, nhận thấy tình hình các tội XPTD trên địa bàn tỉnh xuất phát từ nhiều nguyên nhân và điều kiện khác nhau: những yếu tố tiêu cực xuất phát từ quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xuất phát từ phía gia đình, nhà trường hay hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức về phòng chống XPTD, từ bản thân người bị hại, người phạm tội... Trước thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPTD trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 – 2015, đòi hỏi cần có sự chung tay, phối hợp khắc phục những tồn tại hạn chế, trên cơ sở đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Do trình độ nhận thức có hạn, luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong quý thầy, cô góp ý để tác giả hoàn thiện luận văn tốt hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban bí thư Trung ương Đảng (2011), *Chỉ thị số 09/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo 138/CP (2014), *Mô hình phòng, chống tội phạm tại cơ sở*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW, ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
6. Bộ Công an (2013), *Chỉ thị số 02/CT-BCA-C41, ngày 01/4/2013 về việc tập trung chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng cảnh sát nhân dân trong tình hình mới*, Hà Nội.
7. Bộ Lao động thương binh và xã hội (2010), *Thông tư số 23/2010/TT-BLĐTBXH ngày 16/8/2010 về quy định quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục*, Hà Nội.
8. Bộ Thông tin và truyền thông (2014), *Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử mạng xã hội*, Hà Nội.
9. Phạm Văn Các (2015), *Thực trạng đội ngũ Điều tra viên – Những vấn đề đặt ra đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp trong tình hình hiện nay*, Tạp chí cảnh sát phòng, chống tội phạm (số 56), tr. 12-16.

10. Nguyễn Minh Chiến (2013), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, Tạp chí khoa học cảnh sát nhân dân (số 35), tr. 67-72.
11. Chính phủ (2013), *Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng*.
12. Công an tỉnh Hậu Giang, *Báo cáo công tác tổng kết năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
13. Đỗ Tiến Dũng (2014), *Các tội xâm phạm tình dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Dương – Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.
14. Nguyễn Minh Đức (2012), *Phòng tránh vi phạm pháp luật về tệ nạn ma túy trong lứa tuổi thanh niên, thiếu niên*, Nxb Thông tin và truyền thông Hà Nội.
15. Nguyễn Minh Đức (2014), *Đặc điểm tội phạm học do người chưa thành niên thực hiện và giải pháp phòng ngừa chung*, Tạp chí cảnh sát nhân dân, (số 5), tr. 6-8.
16. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí luật học (số 06), tr. 25-32.
17. Học viện cảnh sát nhân dân (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Hội đồng Trung ương (2013), *Giáo trình triết học Mác – Lê nin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Dương Tuyết Miên (2013), *Tội phạm học đương đại*, Nxb Chính trị – hành chính.
20. Nguyễn Văn Qui (2016), *Nguyên nhân và điều kiện của các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.

21. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999) sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Võ Công Sáu (2015), *Tội xâm phạm tình dục đối với trẻ em trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.
24. Phạm Văn Tĩnh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội – cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí kiểm sát (số 03), tr. 18-21.
25. Phạm Văn Tĩnh (2000), *Các phương pháp nghiên cứu tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – mô hình lý luận*, Tạp chí nhà nước và pháp luật (số 06), tr. 79-83.
27. Phạm Văn Tĩnh (2012), *Tài liệu giảng dạy môn tội phạm học*, Học viện khoa học xã hội.
28. Phạm Văn Tĩnh (2014), *Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí nhà nước và pháp luật (số 03), tr. 74-84.
29. Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, *Báo cáo công tác tổng kết năm và các bản án về xâm phạm tình dục năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
30. Trần Hữu Tráng, (2010), *Bàn về nguyên nhân của tội phạm*, Tạp chí luật học (số 11), tr. 43-51.
31. Trần Hữu Tráng, (2011), *Nạn nhân của tội phạm học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
32. Trường đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

33. Trường đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nxb tư pháp, Hà Nội.
34. Trường đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, *Báo cáo công tác tổng kết năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
37. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
38. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
39. Võ Khánh Vinh (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân.
40. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân.
41. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Tổng quan về tình hình tội phạm xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 -2015

Năm	Tổng số vụ án hình sự đã xét xử		Số vụ XPTD đã xét xử	Tỷ lệ (%)	Số bị cáo XPTD	Tỷ lệ (%)
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án		Số bị cáo	
2011	342	535	15	4,38	15	2,80
2012	533	1044	33	6,19	34	3,25
2013	550	977	38	6,90	38	3,89
2014	545	880	33	6,05	35	3,97
2015	542	783	36	6,64	39	4,98
Tổng cộng	2512	4219	155	6,17	161	3,81

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của TAND tỉnh Hậu Giang từ năm 2011-2015)

Bảng 2.2. Thống kê thành phần xã hội của người phạm tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Tổng số bị cáo	Nghề nghiệp	Số bị cáo	Tỷ lệ %
161	Không nghề nghiệp	30	18,63
	Nghề nghiệp tự do	77	47,83
	Nông dân	39	24,22
	Học sinh, sinh viên	10	6,11
	Cán bộ, công nhân viên chức	5	3,11

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ 155 bản án các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 - 2015)

Bảng 2.3. Thống kê số vụ, số bị cáo phạm tội xâm phạm tình dục bị đình chỉ điều tra, truy tố trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Tên cơ quan	Quyết định	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Tổng	
		Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can	Số vụ	Số bị can
Cơ quan điều tra	Khởi tố	15	16	34	35	38	38	34	36	36	40	157	165
	Đình chỉ	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	2	2
Viện kiểm sát	Truy tố	15	16	33	34	38	38	33	35	36	40	155	163
	Đình chỉ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2
Tòa án	Xét xử	15	15	33	34	38	38	33	35	36	39	155	161
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của cơ quan CSĐT, VKSND và TAND tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 - 2015)

Bảng 2.4. Thống kê về độ tuổi của nạn nhân trong các vụ án xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Độ tuổi	Số nạn nhân	Tỷ lệ
Dưới 13 tuổi	30	17,65
Từ 13 đến dưới 16	93	54,70
Từ 16 tuổi trở lên	47	27,65
Tổng	170	100

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ 155 bản án các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 - 2015)

Bảng 2.5. Thống kê về độ tuổi của bị cáo phạm tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Độ tuổi	Số bị cáo	Tỷ lệ
Dưới 18	50	31,05
Từ 18 đến 30	69	42,85
Trên 30 đến 45	33	20,49
Trên 45	9	5,59
Tổng	161	100

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ 155 bản án các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 - 2015)

Bảng 2.6. Thống kê trình độ văn hóa của người phạm tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011- 2015

Tổng số bị cáo	Trình độ bị cáo	Số bị cáo	Tỷ lệ %
161	Không biết chữ	15	9,31
	Tiểu học	40	24,84
	Trung học cơ sở	56	34,79
	Trung học phổ thông	45	27,96
	Cao đẳng, đại học, sau đại học...	5	3,10

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ 155 bản án các tội xâm phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 - 2015)